

Số: 18/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất;
chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 259/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2021; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2021, cụ thể như sau:

1. Thông qua danh mục 256 công trình, dự án cần thu hồi đất (bổ sung) năm 2021 trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích 2.338,85 ha;

(Chi tiết toàn tỉnh theo Phụ lục 1 và chi tiết cấp huyện từ Phụ lục 1.1 đến Phụ lục 1.13 kèm theo).

2. Thông qua danh mục 201 công trình, dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (bổ sung) năm 2021 trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích 248,0 ha, trong đó: 197,93 ha đất trồng lúa, 50,07 ha đất rừng phòng hộ;

(Chi tiết toàn tỉnh theo Phụ lục 2 và chi tiết cấp huyện từ Phụ lục 2.1 đến Phụ lục 2.13 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này, các quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai để phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện (bổ sung) năm 2021 và hướng dẫn tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTƯQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Dũng



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1. **TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA TỈNH HÀ TĨNH**
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên huyện, thành phố, thị xã	Số dự án cần thu hồi đất	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Khái toán kinh phí thực hiện bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Phụ lục chi tiết
			LUA	RPH	RDD	Đất khác		NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Hành phố Hà Tĩnh	40	68,26	43,42			24,84	291,28		93,03	97,78	20,07	80,40	Phụ lục 1.1
Thị xã Hồng Lĩnh	11	15,66	7,21			8,45	40,21		6,68	31,56	1,62	0,35	Phụ lục 1.2
Thị xã Kỳ Anh	16	1.683,75	912,58	31,24		739,93	4.289,35	0,52	280,20	1,09	2,24	4.005,30	Phụ lục 1.3
Huyện Nghi Xuân	11	270,54	11,77	26,06		232,71	302,00		18,85		1,15	282,00	Phụ lục 1.4
Huyện Đức Thọ	11	19,38	15,24			4,14	31,59		4,90	26,39		0,30	Phụ lục 1.5
Huyện Hương Sơn	19	9,42	2,43			6,99	8,44	0,06	0,81	1,75	4,82	1,00	Phụ lục 1.6
Huyện Vũ Quang	8	5,02	0,75			4,27	3,23		0,05	0,33	0,74	2,11	Phụ lục 1.7
Huyện Hương Khê	12	21,77	1,32			20,45	44,72	39,51	0,50	0,96	0,53	3,22	Phụ lục 1.8
Huyện Can Lộc	24	14,71	12,19			2,52	6,86				5,59	1,27	Phụ lục 1.9
Huyện Lộc Hà	27	70,55	26,96	2,80		40,79	99,00	27,42	49,64	21,77	0,11	0,07	Phụ lục 1.10
Huyện Thạch Hà	39	29,41	16,58			12,83	9,04		0,02		3,15	5,86	Phụ lục 1.11
Huyện Cẩm Xuyên	25	109,55	88,94	5,12		15,49	42,07		18,85		19,90	3,32	Phụ lục 1.12
Huyện Kỳ Anh	13	20,83	4,39			16,44	17,70	2,80	7,00		7,60	0,30	Phụ lục 1.13
TỔNG CỘNG	256	2.338,85	1.143,78	65,22		1.129,85	5.185,50	70,31	480,53	181,63	67,53	4.385,50	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục L1 TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý
		LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Ơ sở thể dục, thể thao	0,15	0,15					0,39			0,39			
ộng sân thể thao xã Đồng	0,15	0,15				Thôn Thanh Tiến, xã Đồng Môn	0,39			0,39			Văn bản số 1481/UBND-QLĐT ngày 17/6/2021 của UBND Thành phố Hà Tĩnh
Ơ sở giáo dục và đào tạo	0,06				0,06		1,00			1,00			
ở rộng trường THCS ng Nam Hà	0,06				0,06	Phường Nam Hà	1,00			1,00			Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư ngân sách thành phố năm 2021
giao thông	5,85	3,61			2,24		111,18		63,63	43,90	3,65		
giao thông đoạn từ Hải Lãn Ông kéo dài đến g Nguyễn Du kéo dài	1,00	0,60			0,40	Thôn Nam Kinh, Trung Hưng, xã Thạch Hưng	2,00				2,00		Quyết định số 2244/UBND ngày 05/11/2020 của UBND thành phố Hà Tĩnh
g Ngô Quyền - Đồng Môn	0,27	0,27				Thôn Thanh Tiến, xã Đồng Môn	0,70				0,70		Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 26/5/2021 của UBND xã Đồng Môn

3	Đường giao thông thôn Liên Hà (Vườn Hùng)	0,50	0,50				Liên Hà, xã Thạch Hạ	1,4			1,4		Quyết định số 5/ UBND ngày 05/4/ UBND xã Thạch
4	Đường giao thông liên thôn Đông Đoài, thôn Thượng	0,32	0,05			0,27	Thôn Đông Đoài, xã Thạch Hạ	0,15			0,15		QE số 62/QĐ-UBND 23/4/2021 của UE Thạch Hạ
5	Hạ tầng GT tổ dân phố 1	0,10				0,10	Tổ DP 1 Phường Nam Hà	1,00			1,00		Quyết định số 30/ UBND ngày 31/12/ UBND thành phố
6	Quy hoạch đường giao thông (Ngõ 1 Đường Hà Huy Tập - Ngõ 2 đường Võ Liêm Sơn)	0,02				0,02	Phường Nam Hà	0,50			0,50		Quy hoạch xen dần Bông Sơn 4A phường Hà được UBND tỉnh duyệt ngày 25/10
7	Mở thông ngõ 4 đường Trần Phú ra bờ hồ Bắc Hà	0,01				0,01	Phường Bắc Hà	0,30			0,30		Dự án cần thực hiện quyết đơn thu cơ sở đảm bảo tình hình chính trị tại tổ dân phường Bắc Hà (1 phường Bắc Hà có số 56/TTr-UBND 01/7/2021)
8	Đường giao thông ngõ 41, đường Hàm Nghi	0,15				0,15	Phường Hà Tập	27,00			27,00		Quyết định số 19/ UBND ngày 29/10/ UBND thành phố
9	Đường vào khu di tích Văn Miếu	2,70	2,16			0,54	Phường Thạch Linh, xã Thạch Trung	14,30			14,30		Căn cứ Quyết định 3052/QĐ-UBND 31/12/2020 của UBND thành phố Hà Tĩnh
10	Đường Lê Duẩn (đoạn từ phía nam Trung tâm thương mại vincom đến đường Nguyễn Xí)	0,34				0,34	phường Hà Huy Tập	30,00			30,00		Quyết định số 362/ UBND ngày 18/09/ UBND tỉnh
11	Đường Lê Duẩn (đoạn từ đường Nguyễn Xí đến Quốc lộ 1A)	0,34				0,34	phường Hà Huy Tập	26,90			26,90		Quyết định số 305/ UBND ngày 31/10/ UBND tỉnh

ng nối từ đường Quang Trung lường Ngô Quyền	0,05	0,03			0,02	xã Thạch Trung	1,10			1,10			Quyết định số 2290/QĐ- UBND ngày 31/10/2016 của UBND thành phố Hà Tĩnh
ng giao thông trục chính xã h Trung (Đoạn từ đường Ngô n đến đường Trung Hạ)	0,01	0,00			0,01	xã Thạch Trung	0,65			0,65			Quyết định số 1649/QĐ- UBND ngày 25/9/2018 của UBND thành phố Hà Tĩnh
h trang via hệ khu vực Tỉnh UBND tỉnh (đường Nguyễn o, Nguyễn Tất Thành, ễn Hữu Thái và đường ễn Chí Thanh)	0,04				0,04	phường Tân Giang	6,73		6,73				Nghị quyết số 102/NQ- HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND thành phố Hà Tĩnh
Thủy lợi	1,05	1,03			0,02		3,60		0,00	2,70	0,90		
ng tiêu thoát nước Tiến Hưng	0,40	0,40				Thôn Tiên Hưng, xã Thạch Hưng	0,90				0,90		QĐ số 167/QĐ-UBND ngày 20/9/2020 của UBND thành phố Hà Tĩnh
ng thoát nước tổ dân phố Hòa	0,10	0,10				TDP Hòa Linh, Phường Thạch Linh	0,30			0,30			QĐ số 1572/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND thành phố Hà Tĩnh
tiêu Thạch Quý từ cống kiên ra kênh T8	0,50	0,50				Phường Thạch Quý	1,50			1,50			Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật số 1907/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND Thành phố Hà Tĩnh
lưu Phú	0,03	0,03				xã Thạch Bình	0,10			0,10			Quyết định số 1587/QĐ- UBND ngày 05/6/2009 của UBND tỉnh
phục, sửa chữa, nâng cấp đê Đồng Môn, thành phố Hà	0,02				0,02	Phường Văn Yên	0,80			0,80			QĐ số 1200/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND thành phố Hà Tĩnh
khu vui chơi giải trí	0,06				0,06		0,40				0,40		
công viên thôn Bình Minh	0,03				0,03	Thôn Bình Minh, xã Thạch Bình	0,20				0,20		QĐ 02/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND thành phố Hà Tĩnh
công viên thôn Bình Lý	0,03				0,03	Thôn Bình Lý, xã Thạch Bình	0,20				0,20		QĐ 02/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND thành phố Hà Tĩnh

VI	Đất xây dựng cơ sở Y tế	3,81	3,76			0,05		1,31			0,20	0,11	1,00	
1	Trạm Y tế Đồng Môn	0,12	0,12				Thôn Thăng Lợi xã Đồng Môn	0,31			0,20	0,11		QĐ số 854/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
2	Đất xây dựng cơ sở Y tế	3,69	3,64			0,05	Phường Thạch Quý, xã Thạch Hưng	1,00					1,0	Văn bản số 2563/VX1 về việc dự án viện Đa khoa Vinh tỉnh Hà Tĩnh
VII	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,13	0,11			0,02		0,58			0,30	0,28		
1	Nhà Văn Hóa Tiên Tiến	0,11	0,11				Thôn Tiên Tiến xã Đồng Môn	0,28				0,28		QĐ số 937/UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
2	Mở rộng nhà văn hóa TDP Trung Lân	0,02				0,02	TDP Trung Lân, Phường Thạch Quý	0,30			0,30			Đang lập QH mở rộng lý vương mắc hạ tá Nguyễn Du
VIII	Đất ở tại nông thôn	1,72	1,60			0,12		19,03			4,30	14,73	-	
1	Khu dân cư Tiên Tiến	1,30	1,30				Thôn Tiên Tiến xã Đồng Môn	12,13				12,13		QĐ số 1453/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
2	Đất ở xen dăm	0,30	0,30				Thôn Kim Nam xã Thạch Hưng	0,60				0,60		Văn bản số 1282/QLĐT-TNMT ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
3	Hạ tầng dân cư phía Nam đường Nguyễn Du	0,09				0,09	xã Thạch Hưng	4,30			4,30			Quyết định 247/UBND ngày 12/8/2021 của UBND thành phố Vinh
4	Hạ tầng trung tâm hành chính xã Thạch Hưng	0,03				0,03	Thôn Hòa, xã Thạch Hưng	2,00				2,00		Quyết định 264/UBND ngày 13/7/2021 của UBND thành phố Vinh
IX	Đất ở đô thị	55,28	33,01	-	-	22,27		153,40	-	29,40	44,60	-	79,40	
1	Khu đô thị tại xã Thạch Trung	20,75	9,20			11,55	xã Thạch Trung, Phường Nguyễn Du	27,40					27,4	Quyết định 299/UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
2	Khu đô thị Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh	10,18	9,06			1,12	Phường Thạch Quý	21,00					21,0	Quyết định 460/QĐ ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh

ing tổ dân phố 6	0,02				0,02	Phường Hà Huy Tập	5,20		5,20				Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND thành phố Hà Tĩnh
ing tổ dân phố 7	0,44				0,44	Phường Hà Huy Tập	24,20		24,20				Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Tĩnh
ing khu dân cư Bàu Rạ	2,98	1,74			1,24	Phường Hà Huy Tập	24,10			24,10			Quyết định số 3213/QĐ-UBND ngày 23/9//2020 của UBND tỉnh
ing khu dân cư Vĩnh Hòa	0,03				0,03	Phường Thạch Linh	9,90			9,90			Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND thành phố Hà Tĩnh
ing khu dân cư phía Nam g Nguyễn Du	0,14				0,14	TDP Trung Đình, phường Thạch Quý	10,60			10,60			Quyết định 1012/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND thành phố Hà Tĩnh
đô thị mới phía Nam Cầu xã Thạch Trung	20,74	13,01			7,73	Thạch Trung	31,00				31,0		Quyết định 4238/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh
bãi rác, rác thải	0,15	0,15			-		0,39			0,39			
trung chuyển rác	0,15	0,15				Thôn Thanh Tiến xã Đồng Môn	0,39			0,39			Văn bản số 1481/UBND-QLĐT ngày 17/6/2021 của UBND thành phố Hà Tĩnh
ổng: 40 công trình, dự án	68,26	43,42			24,84		291,28		93,03	97,78	20,07	80,40	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1.2 TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA THỊ XÃ HỒNG LĨNH
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý
		LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Đường giao thông	4,02	0,10	-	-	3,92		10,38		6,68	2,59	1,11		
Đường miền núi liên huyện Hồng Lĩnh - Can Lộc - Lộc Hà tỉnh Hà Tĩnh	2,92				2,92	TDP 1,2,3,4 phường Đậu Liêu	6,68		6,68				Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của UBND tỉnh
Đường giao thông các tổ dân phố 2 và 6	0,20				0,20	TDP 1, 2, 6 phường Bắc Hồng	0,53			0,37	0,16		Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND Thị xã Hồng Lĩnh
Đường cấp mở rộng chính trang đô thị TDP Thuận Hồng, TDP Thuận Minh, TDP Thuận Hòa, TDP Thuận An, TDP Thuận Tiến, phường Đức	0,35				0,35	TDP Thuận Hồng, TDP Thuận Minh, TDP Thuận Hòa, TDP Thuận An, TDP Thuận Tiến, phường Đức	1,14			0,80	0,34		Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 08/2/2021, Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 25/5/2021, Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 01/6/2021, Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 21/5/2021, Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND thị xã Hồng Lĩnh
Đường chính trang đô thị các tuyến đường giao thông nội phường Đức Thuận	0,10	0,10				TDP Thuận An, TDP Thuận Tiến, phường Đức Thuận	0,43			0,30	0,13		Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND thị xã Hồng Lĩnh

5	Xây dựng các tuyến đường chính trang đô thị	0,30			0,30	Phường Trung Lương	1,00			0,70	0,30	Quyết định số 419/QĐ-UBND 16/3/2021 của UBND thị xã H
6	Xây dựng các tuyến đường chính trang đô thị	0,15			0,15	Thôn Chùa, Thuận Trung, Thuận Giang, Thuận Sơn, Hồng Nguyệt xã Thuận Lộc	0,60			0,42	0,18	Quyết định số 419/QĐ-UBND 16/3/2021 của UBND thị xã H
II	Đất ở tại đô thị	10,70	6,20		4,50		27,78			27,78		
1	Quy hoạch khu dân cư TDP Thuận Minh	4,50			4,50	TDP Thuận Minh, P Đức Thuận	11,68			11,68		Công văn số 525/UBND-TCK 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân Hồng Lĩnh
2	Quy hoạch xen dầm khu dân cư Dầm Quan, phường Trung Lương (giai đoạn 2)	4,20	4,20			TDP Tiên Sơn, P Trung Lương	10,90			10,90		Quyết định Số 788/QĐ-UBND 26/3/2014 của UBND tỉnh V. duyệt quy hoạch phân khu pl Trung Lương và Phường Đức TXHL tỉ lệ 1/2000
3	Quy hoạch xen dầm khu dân cư Cây Đa, TDP Phúc Sơn, phường Trung Lương	2,00	2,00			TDP Phúc Sơn, P Trung Lương	5,20			5,20		Thông báo số 200/TB-UBND 14/12/2018 của UBND thị xã H Hồng Lĩnh
III	Đất ở tại nông thôn	0,90	0,90				1,70			1,19	0,51	
1	Quy hoạch khu dân cư thôn Hồng Nguyệt	0,90	0,90			Thôn Hồng Nguyệt, xã Thuận Lộc	1,70			1,19	0,51	Quyết định số 173/QĐ-UE ngày 02/02/2018 của UBND Hồng Lĩnh
IV	Đất công trình năng lượng	0,04	0,01		0,03		0,35				0,35	
1	Xây dựng ĐZ, TBA nâng cao chất lượng điện năng và chống quá tải tại các phường Đức Thuận, phường Trung Lương thuộc thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,04	0,01		0,03	Phường Đức Thuận, phường Trung Lương	0,35				0,35	Quyết định số 2866/QĐ-EV1 ngày 23/10/2020 của Tổng C Điện lực miền Bắc
11	Tổng: 11 công trình, dự án	15,66	7,21		8,45		40,21		6,68	31,56	1,62	0,35

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 13 TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA THỊ XÃ KỶ ANH

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý
		LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Giao thông	62,87		11,00		51,87		6,40	0,52	3,78		2,10		
Cá Cửa khẩu Kỳ Ninh	25,00		5,00		20,00	X. Kỳ Ninh	0,52	0,52					Văn bản số 192/TTg-QHQT ngày 17/02/2021 của Thủ tướng chính phủ
Neo đậu tránh trú bão Cửa khẩu là	37,73		6,00		31,73	X. Kỳ Hà	3,78		3,78				Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 27/11/2009; số 3081/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; số 94/HĐND ngày 29/3/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh
Đường giao thông nông thôn Bắc Hà	0,14				0,14	Thôn Bắc Hà, X. Kỳ Hà	2,10				2,10		Văn bản số 1160/UBND-TNMT ngày 02/8/2019 của UBND thị xã Kỳ Anh
Thủy lợi	1,20				1,20		0,12		0,12				
Chữa, nâng cao an toàn đập Hồ Đồng	1,20				1,20	P. Kỳ Trinh	0,12		0,12				Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Tiểu dự án 1 Sửa chữa nâng cấp an toàn đập, tỉnh Hà Tĩnh (WB8)

III	Đất cơ sở văn hóa	1,60			1,60		0,90			0,90			
1	Trung tâm Văn hóa thể thao thị xã (phần mở rộng)	1,60			1,60	P. Hưng Trí	0,90			0,90		Văn bản số 1149/QHHT9 của Sở X&D	
IV	Đất công trình năng lượng	0,26	0,05		0,21			0,80				0,80	
1	Xây dựng mạch vòng 22kV giữa trạm biến áp 110kV Vũng Áng (E18,5) và TBA 110kV Kỳ Anh (E18,3), nâng cấp độ tin cậy cung cấp điện theo phương án đa chia đa nối khu vực thị xã Kỳ Anh	0,06	0,05		0,01	Phường Kỳ Trinh, Kỳ Thịnh, Kỳ Hưng		0,20			0,20	QĐ số 1079/QĐ-EV 11/5/2021 của Tổng Điện lực Miền	
2	Xây dựng xuất tuyến 35kV trạm E18,5 cấp điện KCN Phú Vinh và các KCN phụ trợ lân cận thuộc KKT Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh	0,20			0,20	Phường Kỳ Trinh, Kỳ Thịnh, Kỳ Long, Kỳ Liên		0,60			0,60	Quyết định số 261/QĐ ngày 29/01/2016 củ công ty Điện lực M	
V	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	17,87	0,55		17,32			18,44		18,30		0,14	
1	Mở rộng nghĩa trang Kỳ Lợi tại Kỳ Trinh	2,80			2,80	P. Kỳ Trinh		0,14				0,14	Văn bản số 1191/QHHT2 của Sở X&D
2	QH nghĩa trang xã Kỳ Ninh	15,07	0,55		14,52	X. Kỳ Ninh		18,30		18,30			Văn bản số 1156/L QLĐT ngày 23/6/20 UBND thị xã Kỳ
VI	Đất ở nông thôn	56,80	25,60		31,20			101,00		101,00			
1	Tái định cư xã Kỳ Ninh	45,80	25,60		20,20	X. Kỳ Ninh		82,00		82,00			Văn bản số 1156/L QLĐT ngày 23/6/20 UBND thị xã Kỳ
2	Tái định cư xã Kỳ Nam	11,00			11,00	X. Kỳ Nam		19,00		19,00			Văn bản số 1156/L QLĐT ngày 23/6/20 UBND thị xã Kỳ
VII	Đất ở tại đô thị	94,00			94,00			157,19		157,00		0,19	
1	TĐC cho các hộ dân thôn Hải Phong 1, thôn Hải Phong 2 xã Kỳ Lợi tại P. Kỳ Trinh	2,00			2,00	P. Kỳ Trinh		0,19		0,19			Quyết định số 162 UBND ngày 30/3/20 UBND tỉnh
2	Tái định cư Kỳ Lợi tại phường Kỳ Trinh	32,00			32,00	P. Kỳ Trinh		57,00		57,00			Văn bản số 1156/L QLĐT ngày 23/6/20 UBND thị xã Kỳ
3	Tái định cư phường Kỳ Thịnh	60,00			60,00	P. Kỳ Thịnh		100,00		100,00			Văn bản số 1156/L QLĐT ngày 23/6/20 UBND thị xã Kỳ

hu công nghiệp	1.449,15	886,38	20,24		542,53		4.004,50					4.004,50	
hiện dự án nhà máy SX cộc ly à cầu kiện bê tông đúc sẵn	8,04				8,04	P. Kỳ Thịnh	4,50					4,50	Văn bản số 681/KKT-TNMT ngày 20/7/2021 của Ban QLKKT tỉnh
náy sản xuất ô tô và linh phụ tết hợp cảng biển tại Khu kinh ng Ắng	1.441,11	886,38	20,24		534,49	X. Kỳ Lợi, P. Kỳ Thịnh, P. Kỳ Long	4.000,00					4.000,00	Văn bản số 2220/UBND-GT ngày 14/4/2021
ổng: 16 công trình, dự án	1.683,75	912,58	31,24		739,93		4.289,35	0,52	280,20	1,09	2,24	4.005,30	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

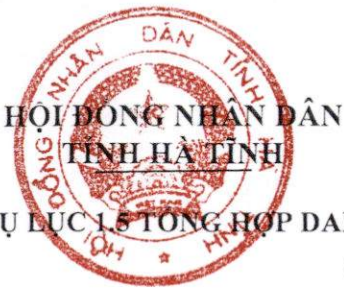
Phụ lục 1.4 TONG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN NGHI XUÂN
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý
		LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
ó di tích lịch sử - văn hóa	11,20	2,24			8,96		18,50		18,50				
1 Tu bổ, tôn tạo các di tích gốc và dựng cơ sở hạ tầng Khu di tích Quốc gia đặc biệt Đại thi hào Nguyễn Du (giai đoạn 2)	11,20	2,24			8,96	TT Tiên Điền, Xuân Mỹ	18,50		18,50				Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh
in ngưỡng	0,81				0,81		0,50					0,50	
loạch đền thờ Trần Hưng Đạo	0,81				0,81	Xã Cổ Đạm	0,50					0,50	Công văn 739/UBND-KGVX ngày 07/02/2018 của UBND tỉnh
iao thông	1,00	0,15			0,85		0,55		0,35		0,20		
1 đường vào khu nghĩa trang Hợp Thuận ra Kỳ Xương Com.	0,50	0,15			0,35	Xã Xuân Phổ	0,20				0,20		Nghị Quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND xã Xuân Phổ
lặng đường giao thông xã Xuân	0,30				0,30	Xã Xuân Hải	0,20		0,20				Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 30/10/2017
lặng đường giao thông xã Xuân	0,20				0,20	Xã Xuân Liên	0,15		0,15				Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 30/10/2017
hủy lợi	0,08	0,03			0,05		0,50				0,50	-	

1	Xây dựng mương thoát nước	0,08	0,03		0,05	Xã Xuân Phổ	0,50			0,50		Nghị Quyết số 54/NQ- ngày 29/12/2020 của H Xuân Phổ
V	Đất ở tại nông thôn	234,05	9,35	26,06	198,64		273,45			0,45	273,00	
1	Quy hoạch đất ở thôn Phúc Mỹ, Trường Mỹ, Thuận Mỹ, Thịnh Mỹ	1,00	0,71		0,29	Xã Xuân Mỹ	0,45			0,45		Quy hoạch chi tiết tỷ lệ
2	Xây dựng khu đô thị du lịch Xuân Đan Xuân Phổ	154,25	4,83	26,06	123,36	Đan Trường, Xuân Phổ	145,00				145,00	Quyết định số 1839/QĐ ngày 16/4/2021 của UE
3	Xây dựng khu đô thị du lịch Xuân Yên	68,90	2,81		66,09	Xã Xuân Yên	118,00				118,00	Quyết định số 1839/QĐ ngày 16/4/2021 của UE
4	Khu dân cư nông thôn tại thôn Kỳ Tây	9,90	1,00		8,90	Xã Cổ Đạm	10,00				10,00	Văn bản số 3617/UBND ngày 10/6/2021 của UE
VI	Đất ở tại đô thị	23,40	-		23,40	0,00	8,50				8,50	
1	Dự án khu đô thị thương mại dịch vụ nam bờ Sông Lam	23,40			23,40	TT Xuân An	8,50				8,50	Văn bản số 979/UBND- ngày 09/6/2021 của U huyện Nghi Xuân
11	Tổng: 11 công trình, dự án	270,54	11,77	26,06	232,71		302,00		18,85		1,15	282,00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1.5 TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN ĐỨC THỌ

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý
		LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Đất giao thông	13,23	11,50			1,73		24,10			24,10			
Đường Huyện lộ ĐH56 qua xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ	3,73	2,00			1,73	Xã Hòa Lạc	5,10			5,10			Văn bản số 3070/UBND-GT1 ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
Đường từ thị trấn đến khu lưu niệm Trần Phú, huyện Đức Thọ	5,00	5,00				thị trấn Đức Thọ, xã Tùng Ảnh	10,00			10,00			Văn bản số 3287/UBND-TH ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh
Nâng cấp tuyến đường nối QL 8A - Cụm Công nghiệp Thái Yên - QL 5A, huyện Đức Thọ	4,50	4,50				Xã Thanh Bình Thịnh	9,00			9,00			Văn bản số 3287/UBND-TH ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh
Đất thủy lợi	3,70	2,20			1,50		4,90	-	4,90				
Kè chống sạt lở bờ tả sông La đoạn qua các xã Trường Sơn - Liên Minh - Đức Tùng - Đức Châu	3,00	1,50			1,50	Xã Trường Sơn, Liên Minh, Tùng Châu	4,50		4,50				Quyết định số 2790 ngày 19/5/2021 của UBND huyện Đức Thọ
Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi Cẩm Trang giai đoạn II (hỗ trợ bồi thường cho 5 hộ có đất sản xuất nông nghiệp bị vùi lấp)	0,70	0,70				Đức Lạng	0,40		0,40				Văn bản 3975/UBND-NL1 ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh
Đất công trình năng lượng	0,10	0,05			0,05		0,30					0,30	

1	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 22kV, 35kV sau các TBA 110kV Linh Cảm (E18.2), Đức Thọ (E18.4), Hương Sơn (E18.7) khu vực huyện Đức Thọ, huyện Hương Sơn, huyện Đức Thọ theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	0,10	0,05		0,05	Xã Thanh Bình Thịnh, An Dũng, Bùi La Nhân, Kiên Minh	0,30			0,30	Quyết định số 1079/QĐ-E ngày 11/5/2021 của Tổng Điện lực miền Bắc
IV	Đất ở tại nông thôn	2,35	1,49		0,86		2,29			2,29	
1	Đất ở Đồng Quang	0,60	0,60			Đức Đồng	0,35			0,35	Quyết định số 941/QĐ-UB 11/03/2021 của UBND huyện Đức Thọ
2	Đất ở xen dầm thôn Thị Hoà	0,08	0,08			Hòa Lạc	0,05			0,05	Quyết định số 2814/QĐ-UB ngày 07/6/2019 của UBND huyện Đức Thọ
3	Đất ở vùng Nhà Bái, Đồng Xư thôn Ngoại Xuân, Đại An	1,00	0,14		0,86	xã An Dũng	1,50			1,50	Quyết định số 2090/QĐ-UB ngày 26/3/2021 của UBND huyện Đức Thọ
4	Đất ở Vông Trên	0,17	0,17			Liên Minh	0,10			0,10	Quyết định số 3446/QĐ-UB ngày 12/07/2019 của UBND huyện Đức Thọ
5	Đất ở Vùng Nuôi Tài	0,50	0,50			Lâm Trung Thủy	0,29			0,29	Quyết định số 2503/QĐ-UB ngày 9/9/2016 của UBND huyện Đức Thọ
11	Tổng: 11 công trình, dự án	19,38	15,24		4,14		31,59		4,90	26,39	0,30

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1.6 TỌNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN HƯƠNG SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý
		LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
t giao thông	1,82	1,27			0,55		2,03	0,06	0,11	1,41	0,45		
ờng giao thông từ UBND xã đến òng Tam	0,24	0,07			0,17	Xã Sơn Lễ	0,25				0,25		Quyết định số 5709/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện Hương Sơn
ờng giao thông (đường Trần Kim yển nối đường HCM; đường uyễn Khắc Viện nối đường ờng Hiền)	0,78	0,50			0,28	TT Phố Châu	0,90			0,90			Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh
ờng Nguyễn Lân	0,10				0,10	TT Phố Châu	0,12			0,12			Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh
ờng giao thông trục chính xã	0,50	0,50				Xã Sơn Hàm	0,56	0,06	0,11	0,39			Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND huyện Hương Sơn
ờng GTNT từ thôn 3 đến thôn 4 Sơn Trường	0,10	0,10				Xã Sơn Trường	0,10				0,10		Quyết định số 5747/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Hương Sơn
ờng GTNT từ thôn 6 xã Sơn ờng	0,10	0,10				Xã Sơn Trường	0,10				0,10		Quyết định số 5747/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Hương Sơn
t thủy lợi	4,30				4,30		0,70		0,70				
a chữa nâng cao an toàn đập WB8 ò Khe Dè)	4,30				4,30	Sơn Mai	0,70		0,70				Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh

III	Đất cơ sở tôn giáo	0,15			0,15		1,50			1,50	
1	Mở rộng khuôn viên Giáo họ Hà Tân	0,15			0,15	Xã Sơn Tây	1,50			1,50	
IV	Đất cơ sở thể dục thể thao	0,20			0,20		0,22			0,22	
1	Sân thể dục thể thao	0,20			0,20	Thôn Minh Thù, xã Kim Hoa	0,22			0,22	Quyết định số 6171/QĐ-UBND 10/11/2020 của UBND huyện Hu
V	Đất công trình năng lượng	0,15	0,06		0,09		1,00			1,00	
1	Xây dựng xuất tuyến 22KV tạo mạch vòng giữa 2 trạm biến áp 110KV Hương Sơn và Linh Cảm, tỉnh Hà Tĩnh	0,05	0,01		0,04	Xã Sơn Giang, xã Tân Mỹ Hà và xã Quang Diệm	0,40			0,40	Quyết định số 2866/QĐ - EVNN 23/10/2020 của tổng CT điện lực
2	Xây dựng ĐZ, TDA giảm tổn thất điện năng và khắc phục tình trạng điện áp thấp các xã Sơn Phúc, Sơn Bình, Sơn Tiến, Sơn Tân, Sơn Lâm thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,08	0,04		0,04	Xã Sơn Châu, xã Sơn Lâm, xã Sơn Tiến, xã Kim Hoa và xã Tân Mỹ Hà	0,50			0,50	Quyết định số 2866/QĐ - EVNN 23/10/2020 của tổng CT điện lực
3	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 22KV, 35KV sau các trạm TBA 110KV Linh Cảm (E18.2), Hương Sơn (E18.4), Hương Sơn (E18.7) khu vực huyện Đức Thọ, huyện Hương Sơn, huyện Hương Sơn theo phương án đã chia đã nổi (MDMC)	0,02	0,01		0,01	Xã Sơn Long	0,10			0,10	Quyết định số 1079/QĐ - EVNN 11/05/2021 của tổng CT điện lực
VII	Đất ở tại nông thôn	1,60	0,90		0,70		1,72			1,72	
1	QH đất ở	0,80	0,80			Thôn Khe Cò, xã Sơn Lễ	0,84			0,84	Quyết định số 5709/QĐ-UBND 05/10/2020 của UBND huyện Hu

ý hoạch đất ở (Vùng Ung Mậm)	0,10	0,10				Thôn Mai Lĩnh, xã Sơn Hàm	0,11				0,11		Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND huyện Hương Sơn
ý hoạch đất ở Nhà Rái	0,50				0,50	Thôn 3 xã Sơn Trà	0,55				0,55		Quyết định số 4614/QĐ-UBND ngày 18/08/2020 của UBND huyện Hương Sơn
ý hoạch đất ở thôn Bàu Thai	0,20				0,20	Thôn 1 xã Sơn Trà	0,22				0,22		Quyết định số 4614/QĐ-UBND ngày 18/08/2020 của UBND huyện Hương Sơn
đất ở tại đô thị	1,00				1,00		1,12			0,34	0,78		
ý hoạch đất ở	0,50				0,50	TDP 9, TT Phố Châu	0,56			0,17	0,39		Quyết định 554/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh
ý hoạch đất ở	0,50				0,50	TDP 10, TT Phố Châu	0,56			0,17	0,39		Quyết định 554/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh
đất sinh hoạt cộng đồng	0,20	0,20					0,15				0,15		
đất sinh hoạt cộng đồng các P6, TDP7 và TDP11	0,20	0,20				TT Phố Châu	0,15				0,15		Quyết định 554/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh
Tổng: 19 công trình, dự án	9,42	2,43			6,99		8,44	0,06	0,81	1,75	4,82	1,00	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1.7 TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN VŨ QUANG

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý
		LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Đất giao thông	3,40	0,73			2,67		2,15			0,22	0,22	1,71	
Mở rộng đường giao thông từ thôn Yên Du đến xã Đức Bồng	0,50	0,03			0,47	Xã Đức Lĩnh	0,22			0,22			Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND huyện
Đường mòn Hồ Chí Minh đi Quốc lộ 81 (đoạn qua xã Thọ Điền)	2,40	0,70			1,70	Xã Thọ Điền	1,71					1,71	Quyết định số 1482/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh
Mở rộng hệ thống giao thông nông thôn	0,50				0,50	Xã Đức Giang	0,22				0,22		
Đất thủy lợi	0,10				0,10		0,05		0,05				
Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Trươi toạ qua xã Hương Minh	0,10				0,10	Xã Hương Minh	0,05		0,05				Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh
Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0,25				0,25		0,11			0,11			
Quy hoạch khu thể thao thôn Tân Lệ	0,25				0,25	Xã Đức Liên	0,11			0,11			
Đất ở tại nông thôn	1,20				1,20		0,52					0,52	
Quy hoạch đất ở nông thôn tại thôn Vĩnh Hội	1,20				1,20	Xã Đức Lĩnh	0,52				0,52		Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của UBND huyện
Đất năng lượng	0,07	0,02			0,05		0,40					0,40	

1	Xây dựng ĐZ, TBA nâng cao chất lượng điện năng tại thị trấn Vũ Quang, xã Đức Lĩnh, xã Đức Hương, xã Quang Thọ huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,03			0,03	Thị trấn Vũ Quang, xã Đức Lĩnh, xã Đức Hương, xã Quang Thọ	0,30				0,30	Quyết định số 2866/C EVNNPC ngày 23/10/2020 của Tổng ty Điện lực miền Bắc
2	Nâng cao độ tin cậy điện lưới điện trung áp 22kV, 35kV sau các TBA 110kV Linh Cảm (E18.2), Can Lộc (E18.4), Hương Sơn (E18.7) khu vực huyện Đức Thọ, huyện Hương Sơn, huyện Can Lộc theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	0,04	0,02		0,02	Xã Ân Phú	0,10				0,10	Quyết định số 1079/C EVNNPC ngày 11/5/202 Tổng công ty Điện lực miền Bắc
8	Tổng: 8 công trình, dự án	5,02	0,75		4,27		3,23		0,05	0,33	0,74	2,11

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 18 TỌNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN HƯƠNG KHÊ
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý
		LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Đất cụm công nghiệp	10,10				10,10		2,00					2,00	
Cụm công nghiệp Gia Phố	10,10				10,10	Xã Gia Phố	2,00					2,00	Công văn số 1343/SKHĐT-DNĐT ngày 09/6/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư
Đất giao thông	5,94	0,22			5,72		38,01	37,51	0,50				
Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc dự án: Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 4 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ	0,08				0,08	Xã Gia Phố	34,61	34,61					Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh (Thay thế Nghị Quyết số 256/NQ-HĐND do khảo sát lại địa điểm)
	3,48	0,07			3,41	Thị trấn Hương Khê							
	0,06	0,03			0,03	Xã Phú Phong							
Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Km49+900 - Km74+680 (đường Hồ Chí Minh vào đôn 575, Bàn Giàng)	0,30				0,30	Xã Hương Trà	0,50	0,50					Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh
	0,97	0,12			0,85	Xã Hương Xuân	1,20	1,20					
	0,90				0,90	Xã Hương Lâm	1,20	1,20					

3	Xây dựng cầu Khe Con	0,15			0,15	Xã Hương Giang	0,50		0,50				Quyết định số 118/UBND ngày 22/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trình cầu Khe Con, Hương Khê
III	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	0,04	-		0,04			0,02				0,02	
I	Mở rộng khuôn viên Trường Mầm non Hương Lâm (Thôn 7)	0,04			0,04	Xã Hương Lâm	0,02					0,02	Nghị Quyết số 186/ĐKVN ngày 12/4/2020 của Tập đoàn dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt ngân sách, xã hội của tập đoàn dầu khí Việt Nam để thực hiện công tác AS của các đơn vị có vốn góp của Tập đoàn dầu khí Việt Nam 2021-2022
IV	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	1,00	1,00					0,50				0,50	
I	Sân thể thao cụm Phú Giang - Trung Hà	1,00	1,00			Xã Phú Gia	0,50					0,50	Nghị quyết số 82/NQ ngày 27/11/2020 của huyện Hương Khê
V	Đất bãi thải, xử lý chất thải	4,30			4,30			2,00	2,00				
I	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc dự án: Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 4 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ	4,30			4,30	Xã Gia Phố	2,00	2,00					Quyết định số 274/UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
VI	Đất công trình năng lượng	0,12	0,03		0,09			1,20				1,20	
I	Xây dựng ĐZ, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại Thị trấn Hương Khê	0,03			0,03	Xã Điền Mỹ	0,30					0,30	Quyết định số 174/UBND ngày 19/01/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh

Hương Khê và xã Phương Mỹ, huyện Hương Khê	0,01	0,01			Xã Phú Phong	0,20					0,20	Công ty điện lực Hà Tĩnh	
Chống quá tải lưới điện huyện Hương Khê, huyện Vũ Quang - tỉnh Hà Tĩnh năm 2016	0,04			0,04	Xã Phúc Đồng, xã Hương Giang	0,40					0,40	Quyết định số 4083/QĐ-EVN NPC ngày 16/11/2015 của Tổng Công ty điện lực miền Bắc.	
Chống quá tải lưới điện huyện Thạch Hà, huyện Hương Khê và TP Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh	0,04	0,02		0,02	Xã Hương Thủy, xã Hòa Hải	0,30					0,30	Quyết định số 944/QĐ-EVN NPC ngày 14/4/2016 của Tổng Công ty điện lực miền Bắc.	
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,20			0,20		0,96					0,96		
Công viên cây xanh kết hợp quảng trường trung tâm huyện Hương Khê	0,20			0,20	Thị trấn Hương Khê	0,96					0,96	Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 09/4/2021 của UBND huyện Hương Khê	
Đất sinh hoạt cộng đồng	0,07	0,07				0,03					0,03		
Mở rộng nhà văn hóa thôn 7 kết hợp rãnh bão, lũ	0,07	0,07			Xã Hòa Hải	0,03					0,03	Quyết định số 39/QĐ-BCĐ ngày 03/6/2021 của Ban chỉ đạo 22 tỉnh	
Tổng: 12 công trình, dự án	21,77	1,32		20,45		44,72	39,51	0,50			0,96	0,53	3,22

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1.9 TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN CAN LỘC
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý
		LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,00				1,00		0,07					0,07	
nhà máy nước Cup Trù thôn Nhật Tân	1,00				1,00	Xã Mỹ Lộc	0,07					0,07	Quyết định 2866/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh
Đất thủy lợi	0,34	0,20			0,14								
lở rộng đê Tả Nghèn	0,34	0,20			0,14	TT Nghèn							Quyết định 3591/QĐ- UBND ngày 08/12/2010 của UBND tỉnh
Đất công trình năng lượng	0,11	0,09			0,02		0,40					0,40	
thiết lập trạm biến áp 22kV, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại các xã Quang Lộc, xã Gia Hanh huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,02	0,02				Xã Quang Lộc, xã Gia Hanh, xã Sơn Lộc	0,10					0,10	Quyết định số 2866/QĐ-EVNNPC ngày 23/10/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
thiết lập cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 22kV tỉnh Hà Tĩnh theo phương pháp đa chia - đa ôi (MDMC)	0,01	0,01				Xã Thuận Thiện	0,10					0,10	Quyết định số 1418/QĐ-PCHT ngày 24/8/2020 của Công ty Điện lực Hà Tĩnh.
thiết lập cáp, cải tạo đường dây 73E18.4 lên vận hành cấp điện áp 2kv và kết nối vòng với đường dây 74E18.1 tạo liên thông giữa 2 TBA 10kV Can Lộc (E18.4) và TBA 10kV Thạch Linh (E18.1)	0,06	0,05			0,01	Xã Khánh Vinh Yên, xã Xuân Lộc, Quang Lộc và thị trấn Đồng Lộc	0,10					0,10	Quyết định số 2866/QĐ-EVNNPC ngày 23/10/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc

4	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 22kV, 35kV sau các TBA 110kV Linh Cảm (E18.2), Can Lộc (E18.7), Hương Sơn (E18.7) khu vực huyện Đức Thọ, huyện Hương Sơn, huyện Can Lộc theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	0,02	0,01			0,01	Xã Thường Nga	0,10				0,10	Quyết định số 1079/QĐ-EV ngày 11/5/2021 của Tổng C Điện lực miền Bắc	
IV	Đất ở tại nông thôn	12,81	11,45			1,36		6,17				5,37	0,80	
1	Đất ở Đồng Bàu	0,30	0,30				Xã Xuân Lộc	0,16				0,16		Quyết định số 21/QĐ-UBND 02/6/2021 của UBND huyện
2	Đất ở thôn Kim Sơn	0,30	0,30				Xã Gia Hạnh	0,14				0,14		
3	Đất ở Đồng Chùa Thượng Thăng	0,37	0,37				Xã Khánh Vĩnh Yên	0,20				0,20		
4	Đất ở Khe Nước Tréo	0,30	0,30				Xã Mỹ Lộc	0,14				0,14		
5	Đất ở thôn Làng Hội, Vĩnh Phú	0,70	0,70				Xã Phú Lộc	0,34				0,34		
6	Đất ở Cồn Ràn, Cồn soi, thôn Thượng Lợi	0,68	0,68				Xã Quang Lộc	0,23				0,23		
7	Đất ở thôn Minh Tiến	1,50	1,50				Xã Tùng Lộc	0,80					0,80	
8	Đất ở thôn Thịnh Lộc, thôn Khe Giao	0,60	0,60				Xã Sơn Lộc	0,29				0,29		
9	Đất ở thôn Hợp Sơn, thôn Tân Tiến	0,92				0,92	Xã Thanh Lộc	0,49				0,49		
10	Đất ở thôn Đông Nam	0,37	0,37				Xã Thiên Lộc	0,19				0,19		
11	Đất ở Đồng Quan đồng Vời	0,50	0,50				Xã Thượng Lộc	0,24				0,24		
12	Đất ở thôn Cồn Soi, thôn Trung Long	1,00	1,00				Xã Trung Lộc	0,53				0,53		
13	Đất ở Đồng đập	1,00	1,00				Xã Tùng Lộc	0,53				0,53		
14	Đất ở Đồng Đường Quan - Cửa Làng thôn Đoài Duyệt, thôn Cừ Lâm, Đồng Cồn Đồng thôn Làng Lau	1,35	1,01			0,34	Xã Vượng Lộc	0,50				0,50		
15	Đất ở Thôn Văn Thịnh, thôn Dur Nại, thôn Đồng Yên	0,67	0,57			0,10	Xã Xuân Lộc	0,30				0,30		
16	Đất ở Đồng Chợ Mương thôn Trại Tiều	2,25	2,25				Xã Mỹ Lộc	1,08				1,08	Quyết định số 3155/ QĐ-UBND 18/9/2020 của UBND tỉ	

Đất ở tại đô thị	0,45	0,45				0,23				0,23	
Đất ở TDP Tùng Liên, Đồng Trọt, Nam Mỹ	0,27	0,27				TT Đồng Lộc	0,14			0,14	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND huyện Can Lộc
Bổ sung đất ở gần nhà văn hóa Kim Thành	0,18	0,18				TT Đồng Lộc	0,09			0,09	
Tổng: 24 công trình, dự án	14,71	12,19			2,52		6,86			5,59	1,27

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 110 TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN LỘC HÀ
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý
		LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Đất cơ sở giáo dục, đào tạo	0,20				0,20		0,25			0,25			
Mở rộng khuôn viên trường tiểu học	0,20				0,20	Thị trấn Lộc Hà	0,25			0,25			Quyết định 4074 ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh
Đất cơ sở văn hóa	15,70	3,50			12,20		21,32	6,40	12,79	2,13			
Mở rộng quảng trường Mai Hắc Đế diện tích QH rộng 20 ha, hiện trạng đã có 4,3 ha, mở rộng thêm 15,7 ha)	15,70	3,50			12,20	Xã Thịnh Lộc, thị trấn Lộc Hà	21,32	6,40	12,79	2,13			Công văn số 557/UBND-TNMT ngày 08/4/2021 của UBND huyện Lộc Hà
Đất giao thông	33,27	13,35	0,80		19,12		46,13	13,39	22,32	10,43			
Hạ tầng khu du lịch biển huyện Lộc Hà	10,00	3,82			6,18	Thị trấn Lộc Hà, xã Thịnh Lộc	14,50	4,35	7,25	2,90			Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh
Hạ tầng ngoài hàng rào CCN Thạch Bàng, huyện Lộc Hà	6,00	-			6,00	Thị trấn Lộc Hà	7,35	2,21	3,68	1,47			Nghị quyết số 254/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh
Xây dựng đường nội vùng khu trung tâm hành chính huyện Lộc Hà giai đoạn 3	1,70	1,70				Thị trấn Lộc Hà	3,09	0,93	1,55	0,62			Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND huyện Lộc Hà
Xây dựng đường nội vùng khu trung tâm hành chính huyện Lộc Hà giai đoạn 4	1,80	1,80				Thị trấn Lộc Hà	3,28	0,98	1,64	0,66			Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND huyện Lộc Hà

5	Đường giao thông từ vùng Le Ve Cửa Trèm đến vùng Cồn Trưa và Bãi rác xã Hồng Lộc	1,90				1,90	Xã Hồng Lộc	2,33	0,70	1,17	0,47			Nghị quyết số 131/NQ ngày 09/4/2021 của huyện Lộc Hà
6	Đường giao thông liên thôn Yên Giang - Đại Lự xã Hồng Lộc	0,70	0,70				Xã Hồng Lộc	1,27	0,38	0,64	0,25			Nghị quyết số 128/NQ ngày 29/12/2020 của huyện Lộc Hà
7	Đường GTNT xã Phù Lưu, đoạn từ thôn Thanh Ngọc đi Hồng Lộc	1,00	1,00				Xã Hồng Lộc, Phù Lưu	1,82	0,55	0,91	0,36			Nghị quyết số 128/NQ ngày 29/12/2020 của huyện Lộc Hà
8	Đường nối Quốc lộ 281 tại Bùng Bình Thạch Mỹ đến đường huyện lộ 5	1,32	1,32				Thạch Mỹ, Thị trấn Lộc Hà	2,40	0,72	1,20	0,48			Nghị quyết số 128/NQ ngày 29/12/2020 của huyện Lộc Hà
9	Xây dựng đường giao thông thôn Bắc Kinh, xã Ích Hậu	0,11	0,11				Xã Ích Hậu	0,20	0,06	0,10	0,04			Quyết định số 2366/QĐ ngày 20/4/2021 của huyện Lộc Hà
10	Đường giao thông xã Thạch Mỹ (huyện lộ 2), huyện Lộc Hà	1,50	1,00			0,50	Xã Thạch Mỹ	2,43	0,73	1,22	0,49			Quyết định số 3100/QĐ ngày 17/4/2019 của huyện Lộc Hà
11	Đường liên huyện Can Lộc - Lộc Hà	2,70	1,90	0,80			Xã Tân Lộc, Bình An, Thịnh Lộc	3,46	1,04	1,73	0,69			Văn bản số 144/BC- ngày 17/6/2021 của Bộ lý Dự án đầu tư xây dự trình dân dụng công ng Hà Tĩnh
12	Mở rộng Cảng cá Thạch Kim tổng diện tích 21,40 ha, trong đó: Diện tích khu đất xây dựng cảng cá: 5,10 ha, diện tích còn lại được kết hợp mặt nước là 16,30 ha	2,04				2,04	Xã Thạch Kim	2,50	0,75	1,25	0,50			Văn bản số 3081/QĐ- ngày 17/9/2019 của UI
13	Hạ tầng giao thông khu nuôi trồng thủy sản	2,50				2,50	Xã Mai Phụ	1,50			1,50			Quyết định số 2000/QĐ ngày 18/7/2016 của UI
IV	Đất thủy lợi	18,00	9,00	2,00		7,00		25,43	7,63	12,72	5,09			
1	Xử lý cấp bách đê Tả Nghèn huyện Lộc Hà: Có 2 đoạn: Đoạn 1: (tại thị trấn Lộc Hà dài 2 km). Đoạn 2: (từ cầu Trù đến Cống Đập Búi, dài 8km)	14,00	5,00	2,00		7,00	Thị trấn Lộc Hà, xã Ích Hậu	18,15	5,45	9,08	3,63			Nghị quyết số 200/NQ ngày 24/3/2020 của HI

Mương tiêu thoát nước 27/7 thôn Báo Ân, Đại Yên, Hà Ân, Hữu Ninh xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	2,00	2,00			Xã Thạch Mỹ	3,64	1,09	1,82	0,73		Quyết định số 5316/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện Lộc Hà
Kênh tiêu Đông liên xã Thịnh Lộc và Bình An, huyện Lộc Hà	2,00	2,00			Xã Thịnh Lộc, xã Bình An	3,64	1,09	1,82	0,73		Quyết định số 5311/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện Lộc Hà
Đất ở nông thôn	3,18	0,91	-	2,27		5,50	-	1,82	3,69		
Ken dầm đất ở vùng Đồng Bệ, Trô Trang, Xúc Xiu, Đồi Hâu, Đồng Bốt, Giang Mai	0,14	0,14			Xã Phù Lưu	0,25		0,08	0,18		Quyết định số 5167/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND huyện Lộc Hà
Đất ở vùng vườn Lùm (Cửa Bà Lường), hồi anh Trong, Cồn Mụ Rỏi, chợ Cồn thôn Hữu Ninh	0,50	0,30		0,20	Xã Thạch Mỹ	0,80		0,24	0,56		Phê duyệt Quy hoạch chi tiết phân lô, tỷ lệ 1/500
Đất ở phía Bắc trạm xá, thôn Hồng Thịnh	0,50			0,50	Xã Thịnh Lộc	0,61		0,18	0,43		Quyết định số 7722/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND huyện Lộc Hà
Đất ở vùng Đồng Cạ thôn Đông Thịnh, vùng đồng Cựa; vùng đồng Sau thôn Yên Giang	0,47	0,30		0,17	Xã Hồng Lộc	1,82		0,71	1,11		Quyết định số 3642/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND huyện Lộc Hà
Đất ở vị trí hội quán cũ (xóm 2, xóm 5, xóm 8)	0,10			0,10	Xã Hồng Lộc	0,12		0,04	0,08		Quyết định số 5436/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện Lộc Hà
Đất ở thôn Nam Phong, thôn Xuân Tây	0,50			0,50	Xã Hộ Độ	0,61		0,18	0,43		Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 của UBND huyện Lộc Hà
Đất ở tại thôn Đông Thắng	0,80			0,80	Xã Mai Phụ	0,98		0,29	0,69		Quyết định số: 711/QĐ-UBND ngày 15/04/2016 của UBND huyện Lộc Hà
Đất ở vùng Mụ Á 0,15 ha, vùng lồng Trọc thôn Hồng Lạc 0,02 ha	0,17	0,17			Xã Thạch Châu	0,31		0,09	0,22		Quyết định số 5752/UBND ngày 11/10/2019 của UBND huyện Lộc Hà
Đất sinh hoạt cộng đồng	0,20	0,20				0,36	-	-	0,18	0,11	0,07
Mở rộng nhà Văn Hóa thôn Hà Ân	0,20	0,20			Xã Thạch Mỹ	0,36			0,18	0,11	0,07
Tổng: 27 công trình, dự án	70,55	26,96	2,80	40,79		99,00	27,42	49,64	21,77	0,11	0,07





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1 LI TỌNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN THẠCH HÀ

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý
		LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Đường giao thông	1,55	0,95			0,60		0,09					0,09	
Đường mở rộng đường giao thông cầu có quy mô đi thôn Thống Nhất	0,80	0,80				Thôn Thống Nhất, xã Thạch Đài	0,06					0,06	Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND huyện Thạch Hà
Dự án Nhà máy chế biến gỗ rừng trồng Thạch Hà tại CCN Phù Việt, xã Việt Tiến	1,97	1,97				Thôn Thống Nhất, xã Việt Tiến	3,28					3,28	Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Nhà máy chế biến gỗ rừng trồng Thạch Hà tại CCN Phù Việt, xã Việt Tiến
Nhà máy sản xuất chế biến hạt giống và sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao tại cụm Công nghiệp Phù Việt	0,63	0,63				Thôn Thống Nhất, xã Việt Tiến	1,05					1,05	Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 03/08/2020 quyết định chủ trương đầu tư dự án nhà máy sản xuất chế biến hạt giống và sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao tại cụm Công nghiệp Phù Việt
Trồng sản xuất gia công cơ khí hợp Hatechco tại lô CN14 - cụm công nghiệp Phù Việt huyện Thạch Hà	1,39	1,39				Cụm công nghiệp Phù Việt, xã Việt Tiến	0,10					0,10	Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 tỉnh
Cụm công nghiệp	3,99	3,99					4,42					4,42	

2	Mở rộng đường giao thông Trục xã đi thôn Hội Tiến	0,40				0,40	Thôn Liên Quý, thôn Hội Tiến, xã Thạch Hội	0,01				0,01	Nghị quyết số 17/NQ-HĐN 29/12/2020 của HĐND huyện Hà
3	Đường đi khu chăn nuôi tập trung Kỳ Sơn	0,35	0,15			0,20	Thôn Kỳ Sơn, xã Thạch Đài	0,03				0,03	Quyết định số 2494/QĐ-UB 26/7/2019 của UBND
III	Đất thủy lợi	0,06	-	-	-	0,06		0,02			0,02		
1	Hồ Đá Đen	0,06				0,06	Xã Thạch Ngọc	0,02				0,02	Quyết định số 2381/QĐ-UB 29/7/2020 của UBND tỉnh
IV	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,51				0,51		-					
1	Mở rộng trường mầm non xã Thạch Hải	0,51				0,51	Thôn Đại Hải, xã Thạch Hải	-					Nghị quyết số 17/NQ-HĐN 29/12/2020 của HĐND huyện Hà
V	Đất năng lượng	1,59	1,55			0,04		1,44				1,44	
1	Xây dựng ĐZ, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại các xã thuộc huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,05	0,04			0,01	Xã Thạch Đài, Thạch Trị, Tượng Sơn, Thị trấn, Thạch Khê, Thạch Lạc	0,30				0,30	Quyết định số 2866/QĐ-E' ngày 23/10/2020 của Tổng Điện lực miền Bắc
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho ĐZ 373E18.1, ĐZ 374E18.1 và chống quá tải cho các TBA trên địa bàn huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên - tỉnh Hà Tĩnh	0,04	0,03			0,01	Xã Nam Hương, Thạch Điền.	0,20				0,20	Quyết định số 2438/QĐ-E' ngày 15/9/2020 của Tổng Điện lực miền Bắc
3	Xây dựng ĐZ, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại các xã thuộc huyện Thạch Hà, Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh năm 2020	0,04	0,03			0,01	Xã Lưu Vĩnh Sơn, Thạch Xuân, Thạch Thắng, Thạch Liên, Thạch Hải, Thạch Đài	0,20				0,20	Quyết định số 2438/QĐ-E' ngày 15/9/2020 của Tổng Điện lực miền Bắc

đường cáp, cải tạo đường dây 3E18.4 lên vận hành cấp điện 22kV và kết nối vòng với đường dây 474E18.1 tạo liên thông ra 2 TBA 110kV Can Lộc (E18.4)	0,01	0,01				Xã Thạch Liên, Việt Tiến	0,05					0,05	Quyết định số 2866/QĐ-EVNNPC ngày 23/10/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
thiết bị dự phòng ĐZ, TBA chống quá áp và giảm tổn thất điện năng ở điện các xã, thị trấn thuộc huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh năm 2020	0,05	0,05				Xã Thạch Đài, Tượng Sơn, Thạch Liên, Thạch Long và Thị trấn Thạch Hà	0,20					0,20	Quyết định số 2609/EVN NPC ngày 29/8/2019 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
đường cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 22kV sau 3A 110kV Thạch Linh (E18.1) khu vực thành phố Hà Tĩnh và huyện Thạch Hà, Lộc Hà theo phương án đa chia đa nối (DMC)	0,03	0,03				Xã Thạch Sơn	0,20					0,20	Quyết định số 1079/QĐ-VNNPC ngày 11/5/2021 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
đường cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 22kV ở thị trấn Hà Tĩnh theo phương pháp đa chia - đa nối (MDMC)	0,04	0,03			0,01	Xã Tân Lâm Hương, Thạch Hội, Tượng Sơn, Thạch Lạc	0,20					0,20	Quyết định số 1004/EVN NPC ngày 4/5/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
đường dây và TBA 110kV Hà Tĩnh	1,33	1,33				Xã Tân Lâm Hương	0,09					0,09	Văn bản số 366/BDALD-PQLCT3 ngày 29/01/2021 của Tổng công ty Điện lực Miền Bắc
đất cơ sở tôn giáo	0,63				0,63							0,85	
đi mở rộng nhà thờ giáo họ Thu Chỉ	0,63				0,63	Thôn Bắc Lạc, xã Thạch Lạc	0,85					0,85	Sở Xây dựng đã trình chủ trương lên UBND tỉnh
đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	0,78	0,78					0,05					0,05	
đất nghĩa trang nghĩa địa	0,78	0,78				Thôn Phú Quý, xã Thạch Liên	0,05				0,05		Quy hoạch chi tiết đất nghĩa trang xã Thạch Liên, huyện Thạch Hà ngày 26/4/2018, tỷ lệ 1/500
đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,38	0,38					0,03					0,03	

1	Khu vui chơi giải trí cho người già	0,38	0,38			Thôn Đan Trung, xã Thạch Long	0,03				0,03		Nghị quyết số 17/NQ-HĐ 16/01/2021 của Ủy ban nh Thạch Long
IX	Đất sinh hoạt cộng đồng	1,26	0,18		1,08		0,07				0,07		
1	Mở rộng nhà văn hóa thôn Đan Khê	0,08			0,08	Thôn Đan Khê, xã Thạch Khê	-						Quyết định số 10985/QĐ ngày 29/11/2016 của UBND Thạch Hà về việc ban hành quản lý xây dựng theo điề quy hoạch xây dựng nông xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà Tĩnh
2	Đất nhà văn hoá Tổ dân phố 12, TT Thạch Hà	0,41	0,18		0,23	Tổ dân phố 12, thị trấn Thạch Hà	0,01				0,01		Quyết định số 111/QĐ-UB 09 tháng 6 năm 2021 của Thạch Hà
3	Đất nhà văn hoá Tổ dân phố 8, TT Thạch Hà	0,77			0,77	Tổ dân phố 8, thị trấn Thạch Hà	0,06				0,06		Quyết định số 112/QĐ-UB 09/6/2021 của thị trấn TH
X	Đất ở nông thôn	18,46	8,55		9,91		2,05				2,05		
1	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,30			0,30	Thôn Ngọc Hà, thôn Trung Tâm - xã Ngọc Sơn	-						Quy hoạch tổng mặt bằng đất xen dăm đất ở mới tỷ thôn Ngọc Hà, xã Ngọc Sơn Thạch Hà
2	Đất ở nông thôn	0,41	0,41		-	Thôn Kim Sơn, xã Lưu Vĩnh Sơn	-						Quy hoạch chi tiết đất ở th Sơn, xã Lưu Vĩnh Sơn (Bá phê duyệt 2018
3	Đất ở nông thôn	1,08	0,31		0,77	Thôn Đông Sơn, Đồng Sơn, Lộc Nội, Đồng Xuân, Quý Linh - xã Thạch Xuân	0,51				0,51		Quy hoạch chi tiết đất ở c Đông Sơn, Đồng Sơn, L Đồng Xuân, Quý Linh - x Xuân, huyện Thạch Hà 03/10/2017 và năm 2020, t
4	Đất ở nông thôn	1,56	1,17		0,39	Thôn Trần Phú, Bắc Trị - xã Thạch Trị	0,11				0,11		Quyết định số 444/QĐ-UB 10/3/2020 UBND huyện T
5	Đất ở nông thôn	0,77	0,45		0,32	Đội Lèn, Đập Hộ, thôn Văn Sơn, xã Đinh Bàn	0,06				0,06		Quy hoạch chi tiết xen đấ thôn Văn Sơn, xã Đinh Bàn Thạch Hà ngày 17/11/2021/500

ất ở nông thôn	1,06			1,06	Thôn Tri Lễ, xã Thạch Kênh	0,08			0,08	Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, thôn Tri Lễ, xã Thạch Kênh, huyện Thạch Hà ngày 14/12/2020, tỷ lệ 1/500
ất ở nông thôn	1,74	0,54		1,20	Thôn Hòa Bình, xã Nam Điền	0,13			0,13	Quy hoạch chi tiết đất ở thôn Hòa Bình, xã Nam Điền, huyện Thạch Hà, ngày 10/12/2018, tỷ lệ 1/500
ất ở nông thôn	1,85	1,38		0,47	Thôn Tân Lộc, xã Nam Điền	0,10			0,10	Quy hoạch chi tiết đất ở thôn Tân Lộc, xã Nam Điền, huyện Thạch Hà, tháng 10/2020, tỷ lệ 1/500
ất ở nông thôn (xen dăm)	0,95			0,95	Thôn Bắc Thượng, Liên Vinh, Liên Hương, Kỳ Sơn, Kỳ Phong, Thống Nhất, Bàu Láng, Nam Bình - xã Thạch Đài	0,03			0,03	Quy hoạch chi tiết xen dăm đất ở các thôn: Bắc Thượng, Liên Vinh, Liên Hương, Kỳ Sơn, Kỳ Phong, Thống Nhất, Bàu Láng, Nam Bình - xã Thạch Đài
ất ở nông thôn	1,05	0,36		0,69	Thôn Phúc Thanh, Đan Khê, Thanh Lan, Đồng Giang, Tân Phúc, Tân Hương, Vĩnh Tiến - xã Thạch Khê	0,07			0,07	Quy hoạch xem dăm các thôn: Phúc Thanh, Đan Khê, Thanh Lan, Đồng Giang, Tân Phúc, Tân Hương, Vĩnh Tiến - xã Thạch Khê
ất ở nông thôn	1,52	1,03		0,49	Thôn Liên Phố, Bình Dương, Liên Mỹ, Liên Quý, Thai Yên, Bắc Thai - xã Thạch Hội	0,08			0,08	Quy hoạch chi tiết đất ở các thôn xã Thạch Hội, huyện Thạch Hà ngày 16/10/2020, tỷ lệ 1/500

12	Đất ở nông thôn	1,73				1,73	Thôn Đại Hải, Liên Hải, xã Thạch Hải	0,56				0,56	Quy hoạch chi tiết xen dầm thôn Liên Hải, xã Thạch Hải Thạch Hải ngày 10/12/2021 tỷ lệ 1/500
13	Đất ở nông thôn (xen dầm)	0,16				0,16	Thôn Sơn Hà, Đình Hàn, Vạn Đò, Sơn Tiến - xã Thạch Sơn	0,03				0,03	Quy hoạch chi tiết xen dầm thôn: Sơn Hà, Đình Hàn, Vạn Đò, Sơn Tiến - xã Thạch Sơn, Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, năm 2021
14	Đất ở nông thôn	1,89	1,89				Thôn Cao Thắng, Yên Lạc, Vùng Công Làng, thôn Trung Phú - xã Thạch Thắng	0,13				0,13	QH chi tiết mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/500 thôn Cao Thắng, xã Thạch Thắng ngày 21/10/2019, 30/5/2019
15	Đất ở nông thôn (xen dầm)	1,67	0,29			1,38	Thôn Cao Thắng, Nam Thắng, Trung Phú - xã Thạch Thắng	0,11				0,11	Văn bản số 1037/UBND-KT ngày 02/6/2021 của UBND xã Thạch Hà
16	Đất ở nông thôn	0,72	0,72				Thôn Hà Thanh, xã Tượng Sơn	0,05				0,05	Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất khu dân cư nông thôn tại thôn Hà Thanh, xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, ngày 19/4/2021, tỷ lệ 1/500
XI	Đất ở đô thị	0,20	0,20					0,01				0,01	
1	Đất ở đô thị	0,20	0,20				Tổ dân phố 2, thị trấn Thạch Hà	0,01				0,01	Quy hoạch phân lô khu dân cư thị trấn Thạch Hà, tỷ lệ 1/500
39	Tổng: 39 công trình, dự án	29,41	16,58			12,83		9,04		0,02		3,15	5,86

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1: TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN CẨM XUYỀN
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý
		LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Đất cụm công nghiệp	72,70	70,00			2,70		14,30		14,30				
Cụm CN-TTCN Bắc Cẩm Xuyên 2	72,70	70,00			2,70	Xã Cẩm Vịnh	14,30		14,30				Văn bản số 3281/UBND-KT1 ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	4,46	0,94	-	-	3,52		1,71					1,71	
Nhà máy nước và hệ thống đường ống Nam Cẩm Xuyên (Khu vực nhà máy đặt tại vùng Núi Tròn, thôn Hoa Thám, xã Cẩm Lạc)	3,50				3,50	Xã Cẩm Lạc, Cẩm Minh, Cẩm Sơn, Cẩm Thịnh, Cẩm Hưng, Cẩm Lộc, Cẩm Hà, Cẩm Trung, Cẩm Lĩnh	0,36					0,36	Quyết định số 3566/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh
Công trình thu trạm bơm cấp I của Nhà máy nước Nam Cẩm Xuyên vùng Sông Rác, thôn Hoa Thám, xã Cẩm Lạc	0,02				0,02	Xã Cẩm Lạc							Văn bản số 3566/UBND-NL5 ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc đề xuất dự án nhà máy nước Nam Cẩm Xuyên của Công ty CP nước sạch Thiên Cẩm

3	Trụ sở điều hành của Nhà máy nước Nam Cẩm Xuyên và trạm bơm tăng áp (tại vùng Đập Bóm, thôn Hương Sơn, xã Cẩm Sơn)	0,94	0,94				Xã Cẩm Sơn	1,35				1,35	Văn bản số 3566/UBND ngày 09/6/2021 của UBND Hà Tĩnh về việc đề xuất nhà máy nước Nam Cẩm của Công ty CP nước sạch Cẩm
III	Đất giao thông	6,32	0,20	5,12		1,00		0,79		0,79			
1	Đường giao thông tại xã Cẩm Dương	0,50				0,50	Xã Cẩm Dương	0,12		0,12			Quyết định số 3052/QĐ ngày 12/9/2019 của UBND
2	Dự án nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn từ thôn Quý Hòa đi ra khu vực rừng phòng hộ ven biển xã Yên Hòa	0,40		0,10		0,30	Xã Yên Hòa	0,07		0,07			Quyết định số 1664/QĐ ngày 02/4/2021 của UBND Hà Tĩnh
3	Dự án đầu tư xây dựng cảng Cửa Nhượng	5,02		5,02			Xã Cẩm Lĩnh	0,30		0,30			Quyết định số 3081/QĐ ngày 17/9/2019 của UBND
4	Dự án nâng cấp tuyến đường giao thông phục vụ sản xuất từ đường Hưng Hà đến thôn Nguyễn Đồi, xã Cẩm Hà	0,40	0,20			0,20	Xã Cẩm Hà	0,30		0,30			Công văn số 661/BQ KHĐT ngày 18/6/2021 quản lý dự án đầu tư và công trình nông nghiệp triển nông thôn Hà
IV	Đất thủy lợi	0,90	0,50	-	-	0,40		0,79		0,79			
1	Dự án nâng cấp tuyến mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ kênh N6 đến xứ đồng Sắn, xã Cẩm Hà	0,30	0,15			0,15	Xã Cẩm Hà	0,23		0,23			Công văn số 661/BQ KHĐT ngày 18/6/2021 quản lý dự án đầu tư và công trình nông nghiệp triển nông thôn Hà
2	Dự án nâng cấp mương tưới nội đồng phục vụ sản xuất thôn Vĩnh Lộc và thôn Đông Phong, xã Cẩm Lộc	0,30	0,20			0,10	Xã Cẩm Lộc	0,35		0,35			Công văn số 661/BQ KHĐT ngày 18/6/2021 quản lý dự án đầu tư và công trình nông nghiệp triển nông thôn Hà
3	Dự án nâng cấp mương tưới tiêu nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các thôn 2,3,5,7, xã Cẩm Minh	0,30	0,15			0,15	Xã Cẩm Minh	0,21		0,21			Công văn số 661/BQ KHĐT ngày 18/6/2021 quản lý dự án đầu tư và công trình nông nghiệp triển nông thôn Hà
V	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1,10	1,10					1,57				1,57	

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	6,40	6,40					12,93				12,93	
Cây dựng công viên cây xanh thị trấn Cẩm Xuyên (TDP 13)	6,40	6,40				TT. Cẩm Xuyên	12,93				12,93	Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
Đất ở tại nông thôn	13,98	6,98			7,00		3,90		2,97		0,93	
Chợ dân cư và thương mại, dịch vụ xã Cẩm Nhượng	7,00				7,00	Xã Cẩm Nhượng	2,97		2,97			Văn bản số 2776/UBND-XD1 ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh
Dự án hạ tầng khu dân cư đô thị và hương mại - dịch vụ Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên	6,98	6,98				Xã Cẩm Vịnh	0,93				0,93	Thông báo số 234/TB-UBND ngày 10/7/2021 của UBND tỉnh tại kết luận họp ủy ban nhân dân tỉnh ngày 05/7/2021
Đất ở tại đô thị	0,50	0,50					1,01				1,01	
Đất ở dân cư vùng Đồng Đung, TDP Trần Phú	0,50	0,50				TT. Thiên Cẩm	1,01				1,01	Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 14/3/2012 của UBND huyện Cẩm Xuyên
Tổng: 25 công trình, dự án	109,55	88,94	5,12	-	15,49		42,07		18,85		19,90	3,32

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



I	Xây dựng mới Trường Mầm non xã Cẩm Quan tại thôn Thanh Sơn (điều chỉnh sang vị trí mới)	1,10	1,10				Xã Cẩm Quan	1,57				1,57	Quyết định số 454/QĐ ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
VI	Đất công trình năng lượng	0,35	0,12			0,23		0,68				0,68	
1	Dự án Mạch vòng 22 kV TBA 110 kV Cẩm Xuyên (E18.9) và TBA 110 kV Thạch Linh; (E18.1)-huyện Cẩm Xuyên và thành phố Hà Tĩnh	0,09	0,07			0,02	Cẩm Quang, Cẩm Thành, Cẩm Bình, Cẩm Vĩnh và thị trấn Cẩm Xuyên	0,32				0,32	Quyết định số 1079 EVNNPC ngày 11/5/2021 Công ty Điện lực Miền Bắc
2	Nhà máy thủy điện Sông Rác	0,20				0,20	Xã Cẩm Lạc	0,06				0,06	Văn bản số 250-CV/HĐ ngày 18/6/2021 của Huyện Cẩm Xuyên
3	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho ĐZ 373E18.1, ĐZ 374E18.1 và chống quá tải cho các TBA trên địa bàn huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	0,06	0,05			0,01	Xã Cẩm Mỹ	0,30				0,30	Quyết định số 2983/QĐ ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh Điện lực Hà Tĩnh
VII	Đất cơ sở tôn giáo	0,24				0,24							
1	Mở rộng nhà thờ giáo xứ Vạn Thành	0,24				0,24	Xã Cẩm Thạch	-					Văn bản số 2303/UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
VIII	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	1,91	1,91					3,85				3,85	
1	Nghĩa trang tổ dân phố 4, thị trấn Cẩm Xuyên	1,91	1,91				TT. Cẩm Xuyên	3,85				3,85	Quyết định số 2279/QĐ ngày 22/5/2018 của UBND huyện Cẩm Xuyên
IX	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,69	0,29			0,40		0,54				0,54	
1	Nhà văn hóa tổ dân phố 4	0,20				0,20	TT. Cẩm Xuyên						Công văn số 1564/UBND ngày 04/6/2021 của UBND huyện Cẩm Xuyên
2	Nhà văn hóa tổ dân phố 6	0,20				0,20	TT. Cẩm Xuyên						Công văn số 1564/UBND ngày 04/6/2021 của UBND huyện Cẩm Xuyên
3	Mở rộng nhà văn hóa TDP 16	0,09	0,09				TT. Cẩm Xuyên	0,23				0,23	Quyết định số 97/QĐ ngày 11/01/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
4	Nhà văn hóa cộng đồng kết hợp tránh lũ tại thôn Đại Tăng, xã Cẩm Thạch	0,20	0,20				Xã Cẩm Thạch	0,31				0,31	Quyết định số 39-QĐ/UBND ngày 03/6/2021 của Ban chỉ đạo tỉnh Hà Tĩnh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 13 TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN KỶ ANH

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý
		LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ứng trước của DN và XH hoá	
(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
ng trình năng lượng	0,10	0,08			0,02		0,80		0,80				
mg ĐZ, TBA khắc phục tình liên áp thấp tại các xã thuộc Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm	0,05	0,04			0,01	Xã Kỳ Văn, Kỳ Tây, Kỳ Trung, Kỳ Thư, Kỳ Thọ, Kỳ Phong, Kỳ Xuân	0,40		0,40				Quyết định số 2866/QĐ-EVNNPC ngày 23/10/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc
mg ĐZ, TBA khắc phục tình liên áp thấp tại các xã thuộc Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	0,05	0,04			0,01	Xã Kỳ Hải, Kỳ Châu, Kỳ Giang, Kỳ Khang, Kỳ Lạc, Kỳ Phong, Kỳ Phú, Kỳ Thư, Kỳ Tiến	0,40		0,40				Quyết định số 2984/QĐ-EVNNPC ngày 28/12/2020 của Công ty Điện lực Hà Tĩnh
ủy lợi	9,00	1,00			8,00		2,80	2,80					
ữa, nâng cao an toàn đập) Hồ Nước Xanh	5,00	0,50			4,50	Xã Kỳ Phong, Kỳ Tiến	1,50	1,50					Quyết định 3326/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh
ữa, nâng cao an toàn đập) Hồ Ba Khe	4,00	0,50			3,50	xã Kỳ Bắc	1,30	1,30					Quyết định 3326/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh
ao thông	3,68	0,68	0,00		3,00		4,20	0,00	4,20	0,00	0,00	0,00	
liên xã Đồng - Trung (phần điều ỗ sung)	3,00				3,00	Xã Kỳ Trung	3,00		3,00				Quyết định 617/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 và Văn bản 3783/UBND-GT ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh

2	Dự án “Phát triển tổng hợp các đô thị động lực” (phần đất lúa không thể sản xuất)	0,68	0,68				Xã Kỳ Châu	1,20		1,20			Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND Tỉnh
IV	Đất ở tại nông thôn	7,85	2,63			5,22		9,60		2,00		7,60	
1	Đất ở TĐC phục vụ mở rộng Trường mầm non Kỳ Thượng (trên đất trường mầm non cơ sở 2 cũ)	0,10				0,10	Thôn Phúc Độ, xã Kỳ Thượng	0,10				0,10	Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND huyện Kỳ Anh
2	QH dân cư vùng Hạ Phòng	1,93	1,93				Thôn Phương Giai, xã Kỳ Bắc	2,50				2,50	Quyết định số: 2442 n 31/10/2017 của UBND huyện Kỳ Anh
3	Quy hoạch xen dăm dân cư khu Đồng Đung thôn Thượng Hải, xã Kỳ Hải	1,42	0,70			0,72	Thôn Thượng Hải, xã Kỳ Hải	1,00				1,00	Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của UBND huyện Kỳ Anh
4	Đất ở thôn Vùng Cửa Trường	1,40				1,40	xã Kỳ Văn	0,50				0,50	Quyết định 434/QĐ-UBND 02/02/2021 của UBND huyện Kỳ Anh
5	Tái định cư đường điện 500kV	0,70				0,70	Xã Kỳ Văn, Kỳ Giang	2,00		2,00			Thông báo kết luận số 24/STNMT-UBNDKA n 28/6/2021
6	Quy hoạch Đất ở khu vực Đập Cương	2,30				2,30	Xã Kỳ Hải	3,50				3,50	Quyết định 434/QĐ-UBND 02/02/2021 của UBND huyện Kỳ Anh
V	Đất cơ sở tôn giáo	0,20				0,20	0,00	0,30				0,30	
1	Nhà giáo lý - giáo họ Kim Sơn, thôn Đâu Giang	0,20				0,20	Thôn Đâu Giang, xã Kỳ Khang	0,30				0,30	Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND huyện Kỳ Anh
13	Tổng: 13 công trình, dự án	20,83	4,39			16,44		17,70	2,80	7,00		7,60	0,30

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU 2. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA TỈNH HÀ TĨNH**
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Đơn vị hành chính	Tổng công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Ghi chú
				LUA	RPH	RDD	
1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	
1	Thành phố Hà Tĩnh	26	34,80	34,80			
2	Thị xã Hồng Lĩnh	7	10,44	10,44			
3	Thị xã Kỳ Anh	11	29,81	2,06	27,75		
4	Huyện Nghi Xuân	8	26,34	11,94	14,40		
5	Huyện Đức Thọ	16	19,46	19,46			
6	Huyện Hương Sơn	12	2,48	2,48			
7	Huyện Vũ Quang	3	0,75	0,75			
8	Huyện Hương Khê	5	0,32	0,32			
9	Huyện Can Lộc	22	11,99	11,99			
10	Huyện Lộc Hà	19	37,16	34,36	2,80		
11	Huyện Thạch Hà	40	37,20	37,20			
12	Huyện Cẩm Xuyên	16	24,06	18,94	5,12		
13	Huyện Kỳ Anh	16	13,19	13,19			
	Tổng	201	234,81	197,93	50,07		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Handwritten mark)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU 2.1 DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý
			LUA	RPH	RDD		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đất Quốc phòng	0,50	0,50				
1	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thành phố	0,50	0,50			Phường Nguyễn Du	Đã có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 tại Quyết định 973/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 để thực hiện việc giao đất theo quy định
II	Đất cơ sở thể dục, thể thao	0,15	0,15				
1	Mở rộng sân thể thao xã Đồng Môn	0,15	0,15			Thôn Thanh Tiến, xã Đồng Môn	Văn bản số 1481/UBND-QLĐT ngày 17/6/2021 của UBND Thành Phố Hà Tĩnh
III	Đất giao thông	3,72	3,72				
1	Đường giao thông đoạn từ Hải Thượng Lãn Ông kéo dài đến đường Nguyễn Du kéo dài	0,60	0,60			Thôn Nam Kinh, Trung Hưng, xã Thạch Hưng	Quyết định số 2244/UBND ngày 05/11/2020 của UBND thành phố Hà Tĩnh
2	Đường Ngô Quyền - Đồng Môn	0,27	0,27			Thôn Thanh Tiến, xã Đồng Môn	Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 26/5/2021 của UBND xã Đồng Môn
3	Đường giao thông thôn Liên Hà (Vườn Hùng)	0,5	0,5			Liên Hà, xã Thạch Hạ	Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND xã Thạch Hạ
4	Đường giao thông liên thôn Đông Đoài, thôn Thượng	0,05	0,05			Thôn Đông Đoài, xã Thạch Hạ	Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND xã Thạch Hạ

5	Đường giao thông đoạn từ Hải thượng Lãn Ông kéo dài đến đường Nguyễn Du kéo dài	0,60	0,60			Xã Thạch Hưng	Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND thành phố Hà Tĩnh
6	Đường vào khu di tích Văn Miếu	2,16	2,16			Phường Thạch Linh, xã Thạch Trung	Căn cứ Quyết định 3052/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố Hà Tĩnh về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình: Đường vào khu di tích Văn Miếu Hà Tĩnh, thành phố Hà Tĩnh
7	Đường nối từ đường Quang Trung đến đường Ngô Quyền	0,03	0,03			Xã Thạch Trung	Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND thành phố Hà Tĩnh
8	Đường giao thông trục chính xã Thạch Trung (Đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Trung Hạ)	0,01	0,01			Xã Thạch Trung	Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND thành phố Hà Tĩnh
IV	Đất Thủy lợi	1,03	1,03				
1	Mương tiêu thoát nước Tiến Hưng	0,40	0,40			Thôn Tiến Hưng, xã Thạch Hưng	Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 20/9/2020 của UBND thành phố Hà Tĩnh
2	Kênh tiêu Thạch Quý từ cống đồng kiên ra kênh T8	0,50	0,50			Phường Thạch Quý	Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND Thành phố Hà Tĩnh
3	Mương thoát nước tổ dân phố Hòa Linh	0,10	0,10			TDP Hòa Linh, Phường Thạch Linh	Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND thành phố Hà Tĩnh
4	Đê Hữu Phú	0,03	0,03			xã Thạch Bình	Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 05/6/2009 của UBND tỉnh
V	Đất xây dựng cơ sở Y tế	3,76	3,76				
1	Trạm Y tế Đồng Môn	0,12	0,12			Thôn Thăng Lợi xã Đồng Môn	Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND Thành Phố Hà Tĩnh
2	Đất xây dựng cơ sở Y tế	3,64	3,64			Phường Thạch Quý, xã Thạch Hưng	Văn bản số 2563/UBND-VX1 về việc dự án Bệnh viện Đa khoa Vinmex Hà Tĩnh
VI	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,11	0,11				
1	Nhà Văn Hóa Tiên Tiến	0,11	0,11			Thôn Tiên Thiến xã Đồng Môn	Quyết định số 937/UBND ngày 17/5/2021 của UBND thành phố Hà Tĩnh
VII	Đất ở tại nông thôn	1,60	1,60				
1	Khu dân cư Tiên Tiến	1,30	1,30			Thôn Tiên Tiến xã Đồng Môn	Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố Hà Tĩnh

2	Đất ở xen dăm	0,30	0,30		Thôn Kim Nam xã Thạch Hưng	Văn bản số 1282/UBND-QLĐT-TNMT ngày 27/5/2021 của UBND thành phố Hà Tĩnh
III	Đất ở đô thị	21,86	21,86			
1	Khu đô thị tại xã Thạch Trung	9,20	9,20		xã Thạch Trung	Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND tỉnh
2	Khu đô thị Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh	9,06	9,06		Phường Thạch Quý	Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh
3	Hạ tầng khu dân cư Bàu Rạ	1,74	1,74		Phường Hà Huy Tập	Quyết định số 3213/QĐ-UBND ngày 23/9//2020 của UBND tỉnh
4	Hạ tầng khu dân cư phía Nam đường Nguyễn Du	1,86	1,86		Phường Thạch Quý	Quyết định 1012/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND thành phố Hà Tĩnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng khu dân cư phía Nam đường Nguyễn Du, phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh;
X	Đất thương mại dịch vụ	0,95	0,95			
1	Đất xây dựng công trình sự nghiệp (Vị trí Công ty TNHH một thành viên QLCT đô thị Hà Tĩnh đề xuất)	0,95	0,95		Phường Thạch Quý	Quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt ngày 15/8/2011
X	Đất bãi rác, rác thải	0,15	0,15			
1	Bãi trung chuyển rác	0,15	0,15		Thôn Thanh Tiến xã Đồng Môn	Quyết định số 1934/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND thành phố Hà Tĩnh
XI	Đất xây dựng tổ chức sự nghiệp	0,97	0,97			
1	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân (Trực thuộc Hội nông dân tỉnh)	0,97	0,97		Phường Văn Yên	Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt ngày 10/02/2015
26	Tổng: 26 công trình, dự án	34,80	34,80			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



**BIỂU 2.2 DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA THỊ XÃ HỒNG LĨNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý
			LUA	RPH	RDD		
1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đất thương mại, dịch vụ	3,23	3,23				
1	Nhà hàng, khách sạn ROYLAND	2,00	2,00			Phường Đậu Liêu	Thông báo số 220/TB-UBND ngày 04/6/2021 của UBND thị xã Hồng Lĩnh
2	Dự án đầu tư xây dựng Nhà hàng, khách sạn tại phường Đậu Liêu	1,23	1,23			Phường Đậu Liêu	Thông báo số 220/TB-UBND ngày 04/6/2021 của UBND thị xã Hồng Lĩnh
II	Đất giao thông	0,10	0,10				
1	Chỉnh trang đô thị các tuyến đường giao thông nội phường Đức Thuận	0,10	0,10			TDP Thuận An, TDP Thuận Tiến, phường Đức Thuận	Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND thị xã Hồng Lĩnh
III	Đất ở tại đô thị	6,20	6,20				
1	Quy hoạch xen dăm khu dân cư Dăm Quan, phường Trung Lương (giai đoạn 2)	4,20	4,20			TDP Tiên Sơn, P Trung Lương	Quyết định Số 788/QĐ-UBND, ngày 26/3/2014 của UBND tỉnh
2	Quy hoạch xen dăm khu dân cư Cây Đa, TDP Phúc Sơn, phường Trung Lương	2,00	2,00			TDP Phúc Sơn, P Trung Lương	Thông báo số 200/TB-UBND ngày 14/12/2018 của UBND thị xã Hồng Lĩnh
IV	Đất ở tại nông thôn	0,90	0,90				
1	Quy hoạch khu dân cư thôn Hồng Nguyệt	0,90	0,90			Thôn Hồng Nguyệt, xã Thuận Lộc	Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND thị xã Hồng Lĩnh
V	Đất công trình năng lượng	0,01	0,01				

1	Xây dựng ĐZ, TBA nâng cao chất lượng điện năng và chống quá tải tại các phường Đức Thuận, phường Trung Lương thuộc thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,01	0,01			Phường Đức Thuận, phường Trung Lương	Quyết định số 2866/QĐ-EVNNPC ngày 23/10/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
7	Tổng: 07 công trình, dự án	10,44	10,44				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU 2.3 DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA THỊ XÃ KỶ ANH**
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý
			LUA	RPH	RDD		
1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đất quốc phòng	0,11	0,11				
1	Thao trường huấn luyện (Lữ đoàn 134)	0,11	0,11			Thôn Hoa Thắng, X. Kỳ Hoa	Tờ trình số 895/TTr-LĐ ngày 24/5/2021 của Lữ đoàn 134; Báo cáo số 128/BC-TĐ ngày 7/5/2021 của Tiểu đoàn 81
II	Đất an ninh	0,55	0,55				
1	Xây dựng trụ sở công an xã Kỳ Hà	0,25	0,25			Thôn Nam Hà, X. Kỳ Hà	Công văn số 735/CAT-PH10 ngày 24/4/2020 của Công an tỉnh Hà Tĩnh
2	Trụ sở công an phường Kỳ Trinh	0,30	0,30			P. Kỳ Trinh	Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
II	Đất thương mại, dịch vụ	6,21		6,21			
1	Khu Nghỉ dưỡng Kỳ Ninh	3,50		3,50		Thôn Hải Hà và thôn Tam Hải 1, X. Kỳ Ninh	Văn bản số 3120/UBND-KT1 ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh
2	Trung tâm khu du lịch biển Kỳ Ninh	2,71		2,71		X. Kỳ Ninh	Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND thị xã Kỳ Anh
	- Đất thương mại dịch vụ	1,36		1,36			
	- Đất quảng trường	1,03		1,03			
	- Đất giao thông	0,32		0,32			
V	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	0,80	0,80				

1	Dự án Nhà máy sản xuất găng tay cao su	0,80	0,80			Lô CN1-01, P. Kỳ Trinh	Văn bản đề xuất số 635/KKT-TNMT ngày 06/7/2021 của BQLKKT tỉnh
V	Đất giao thông	11,00		11,00			
1	Cảng cá Cửa khẩu Kỳ Ninh	5,00		5,00		X. Kỳ Ninh	Văn bản số 192/TTg-QHQT ngày 17/02/2021 của Thủ tướng chính phủ
2	Khu neo đậu tránh trú bão Cửa khẩu Kỳ Hà	6,00		6,00		X. Kỳ Hà	Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 27/11/2009; số 3081/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; số 94/HĐND ngày 29/3/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh
VI	Đất công trình năng lượng	10,59	0,05	10,54			
1	Xây dựng mạch vòng 22kV giữa trạm biến áp 110kV Vũng Áng (E18,5) và TBA 110kV Kỳ Anh (E18,3), nâng cấp độ tin cậy cung cấp điện theo phương án đa chia đa nối khu vực thị xã Kỳ Anh	0,05	0,05			Phường Kỳ Trinh, Kỳ Thịnh, Kỳ Hưng	Quyết định số 1079/QĐ-EVN ngày 11/5/2021 của Tổng công ty Điện lực Miền Bắc
2	Dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2 (gồm các hạng mục: Tuyến ống xi; Bãi xi; Đường ống xả nước làm mát; Đường vào nhà máy; Khu vực hệ thống nước làm mát, trạm bơm; các Khu vực tổ hợp thiết bị)	10,54		10,54		Kỳ Lợi, Kỳ Trinh, Kỳ Thịnh	Quyết định số 24/QĐ-KKT ngày 05/3/2019 của BQLKKT tỉnh
VII	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,55	0,55				
1	QH nghĩa trang xã Kỳ Ninh	0,55	0,55			X. Kỳ Ninh	Văn bản số 1156/UBND-QLĐT ngày 23/6/2021 của UBND thị xã Kỳ Anh
11	Tổng số: 11 công trình, dự án	29,81	2,06	27,75			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU 2.4 DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN NGHI XUÂN**
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý
			LUA	RPH	RDD		
1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	2,24	2,24				
1	Dự án Tu bổ, tôn tạo các di tích gốc và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu di tích Quốc Gia đặc biệt Đại thi hào Nguyễn Du (giai đoạn 2)	2,24	2,24			TT Tiên Điền, Xuân Mỹ	Quyết định số 3161/QĐ- UBND ngày 30/10/2017
II	Đất giao thông	0,15	0,15				
1	Tuyến đường vào khu Nghĩa trang thôn Hợp Thuận ra Kỳ Xương Com.	0,15	0,15			Xã Xuân Phổ	Nghị Quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND xã Xuân Phổ
II	Đất thủy lợi	14,43	0,03	14,40			
1	Tuyến đê biển huyện Nghi Xuân giai đoạn 2 đoạn từ k27+00 - k32+693,87	14,40		14,40		Xã Xuân Liên, Cổ Đạm, Cương Gián	Quyết định số 3093/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh
2	Xây dựng mương thoát nước	0,03	0,03			Xã Xuân Phổ	Nghị Quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND xã Xuân Phổ
V	Đất ở tại nông thôn	6,52	6,52				
1	Quy hoạch đất ở thôn Phúc Mỹ, Trường Mỹ, Thuận Mỹ, Thịnh Mỹ	0,71	0,71			Xã Xuân Mỹ	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
2	Xây dựng khu đô thị Xuân Yên	4,81	4,81			Xã Xuân Yên	Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh

3	Khu dân cư nông thôn tại thôn Kỳ Tây	1,00	1,00			xã Cổ Đạm	Văn bản số 3617/UBND-XD ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh
V	Đất ở tại đô thị	3,00	3,00				
1	Dự án khu dân cư thị trấn Tiên Điền	3,00	3,00			TT Tiên Điền	Văn bản số 829/UBND-XD ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
8	Tổng: 08 công trình, dự án	26,34	11,94	14,40			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU 2.5 DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN ĐỨC THỌ**
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý
			LUA	RPH	RDD		
1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đất giao thông	11,50	11,50				
1	Đường Huyện lộ ĐH56 qua xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ	2,00	2,00			Hòa Lạc	Văn bản số 3070/UBND-GT ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh
2	Đường từ thị trấn đến khu lưu niệm Trần Phú, huyện Đức Thọ	5,00	5,00			thị trấn Đức Thọ, xã Tùng Ảnh	Văn bản số 3287/UBND-TH ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh
3	Nâng cấp tuyến đường nối QL 8A-Cụm Công nghiệp Thái Yên - QL 15A, huyện Đức Thọ	4,50	4,50			Xã Thanh Bình Thịnh	Văn bản số 3287/UBND-TH ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh
I	Đất thủy lợi	3,70	3,70				
1	Kè chống sạt lở bờ tả sông La đoạn qua các xã Trường Sơn - Liên Minh - Đức Tùng - Đức Châu	3,00	3,00			Trường Sơn, Liên Minh, Tùng Châu	Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND huyện Đức Thọ
2	Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi Cẩm Trang giai đoạn II (hỗ trợ bồi thường cho 5 hộ có đất sản xuất nông nghiệp bị vùi lấp)	0,70	0,70			Đức Lạng	Văn bản số 3975/UBND-NL1 ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh
II	Đất công trình năng lượng	0,05	0,05				

1	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 22kV, 35kV sau các TBA 110kV Linh Cảm (E18.2), Đức Thọ (E18.4), Hương Sơn (E18.7) khu vực huyện Đức Thọ, huyện Hương Sơn, huyện Đức Thọ theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	0,05	0,05			Xã Thanh Bình Thịnh, An Dũng, Bùi La Nhân, Kiên Minh	Quyết định số 1079/QĐ-EVNNPC ngày 11/5/2021 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
IV	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	0,56	0,56				
1	Mở rộng trường Tiểu Học Thôn Bình Hà	0,56	0,56			Thanh Bình Thịnh	Quyết định số 3417/UBND ngày 15/8/2014 của UBND huyện Đức Thọ
V	Đất ở tại nông thôn	3,65	3,65				
1	Đất ở Đồng Quang	0,60	0,60			Đức Đồng	Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 11/03/2021 của UBND huyện Đức Thọ
2	Đất ở xen dầm thôn Thị Hoà	0,08	0,08			Hòa Lạc	Quyết định số 2814/UBND ngày 07/6/2019 của UBND huyện Đức Thọ
3	Đất ở Vông Trên	0,17	0,17			Liên Minh	Quyết định số 3446/UBND ngày 12/07/2019 của UBND huyện Đức Thọ
4	Đất ở Quang Tiến đồng Bể	0,28	0,28			Thanh Bình Thịnh	Quyết định số 3094/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của UBND huyện Đức Thọ
5	Đất ở đồng Tháng 10	0,80	0,80			Thanh Bình Thịnh	Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND huyện Đức Thọ
6	Đất ở đầu giá thôn Châu Thịnh	0,08	0,08			Tùng Châu	Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của UBND huyện Đức Thọ
7	Đất ở Đồng Xư thôn Đại An	0,14	0,14			An Dũng	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND huyện Đức Thọ
8	Đất ở Vùng Nuôi Tài	0,50	0,50			Lâm Trung Thủy	Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 9/9/2016 của UBND huyện Đức Thọ
9	Đất ở thôn Hoà Bình	1,00	1,00			Thôn Hòa Bình, xã Lâm Trung Thủy	Quyết định số 5691/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND huyện Đức Thọ
16	Tổng: 16 công trình, dự án	19,46	19,46				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU 2.6 DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN HƯƠNG SƠN**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý
			LUA	RPH	RDD		
1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đất giao thông	1,27	1,27				
1	Đường giao thông từ UBND xã đến Ngõ ông Tam	0,07	0,07			Xã Sơn Lễ	Quyết định số 5709/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện Hương Sơn
2	Đường giao thông (đường Trần Kim Xuyên nối đường HCM; đường Nguyễn Khắc Viện nối đường Lương Hiến)	0,50	0,50			TT Phố Châu	Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh
3	Đường giao thông trục chính xã	0,50	0,50			Xã Sơn Hàm	Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND huyện Hương Sơn
4	Đường GTNT từ thôn 3 đến thôn 4 xã Sơn Trường	0,10	0,10			Xã Sơn Trường	Quyết định số 5747/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Hương Sơn
5	Đường GTNT từ thôn 6 xã Sơn Trường	0,10	0,10			Xã Sơn Trường	Quyết định số 5747/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Hương Sơn
I	Đất thủy lợi	0,05	0,05				
1	Sửa chữa nâng cao an toàn đập WB8 (Hồ Khe Dè)	0,05	0,05			Sơn Mai	Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh
II	Đất công trình năng lượng	0,06	0,06				
1	Xây dựng xuất tuyến 22KV tạo mạch vòng giữa 2 trạm biến áp 110KV Hương Sơn và Linh Cảm, tỉnh Hà Tĩnh	0,01	0,01			Xã Sơn Giang, xã Tân Mỹ Hà và xã Quang Diệm	Quyết định số 2866/QĐ-EVNNPC ngày 23/10/2020 của tổng công ty điện lực miền Bắc

2	Xây dựng ĐZ, TDA giảm tổn thất điện năng và khắc phục tình trạng điện áp thấp các xã Sơn Phúc, Sơn Bình, Sơn Tiến, Sơn Tân, Sơn Lâm thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,04	0,04			Xã Sơn Châu, xã Sơn Lâm, xã Sơn Tiến, xã Kim Hoa và xã Tân Mỹ Hà	Quyết định số 2866/QĐ-EVNNPC ngày 23/10/2020 của tổng công ty điện lực miền Bắc
3	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 22KV, 35KV sau các trạm TBA 110KV Linh Cảm (E18.2), Hương Sơn (E18.4), Hương Sơn (E18.7) khu vực huyện Đức Thọ, huyện Hương Sơn, huyện Hương Sơn theo phương án đã chia đã nối (MDMC)	0,01	0,01			Xã Sơn Long	Quyết định số 1079/QĐ-EVNNPC ngày 11/05/2021 của tổng công ty điện lực miền Bắc
IV	Đất ở tại nông thôn	0,90	0,90				
1	Đấu giá QSD đất	0,80	0,80			Thôn Khe Cò, xã Sơn Lễ	Quyết định số 5709/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện Hương Sơn
2	Quy hoạch đấu giá QSD đất (Vùng Ung Mậm)	0,10	0,10			Thôn Mai Lĩnh, xã Sơn Hàm	Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND huyện Hương Sơn
V	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,20	0,20				
1	QH đất sinh hoạt cộng đồng các TDP6, TDP7 và TDP11	0,20	0,20			TT Phó Châu	Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh
12	Tổng: 12 công trình, dự án	2,48	2,48				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

S



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU 2.7 DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN VŨ QUANG
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý
			LUA	RPH	RDD		
1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đất giao thông	0,73	0,73				
1	Mở rộng đường giao thông từ thôn Yên Du đến xã Đức Bông	0,03	0,03			Xã Đức Lĩnh	Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND huyện Vũ Quang
2	Đường mòn Hồ Chí Minh đi Quốc lộ 281 (đoạn qua xã Thọ Điền)	0,70	0,70			Xã Thọ Điền	Quyết định số 1482/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh
II	Đất công trình năng lượng	0,02	0,02				
1	Nâng cao độ tin cậy điện lưới điện trung áp 22kV, 35kV sau các TBA 110kV Linh Cảm (E18.2), Can Lộc (E18.4), Hương Sơn (E18.7) khu vực huyện Đức Thọ, huyện Hương Sơn, huyện Can Lộc theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	0,02	0,02			Xã Ân Phú	Quyết định số 1079/QĐ-EVNNPC ngày 11/5/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc
3	Tổng: 03 công trình, dự án	0,75	0,75				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU 2.8 DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN HƯƠNG KHÊ
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý
			LUA	RPH	RDD		
1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đất giao thông	0,22	0,22				
1	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc dự án: Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 4 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ	0,07	0,07			Thị trấn Hương Khê	Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh
		0,03	0,03			Xã Phú Phong	
2	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Km49+900 - Km74+680 (đường Hồ Chí Minh vào đồn 575, Bàn Giàng)	0,12	0,12			Xã Hương Xuân	Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh
II	Đất công trình năng lượng	0,03	0,03				
1	Xây dựng ĐZ, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại Thị trấn Hương Khê và xã Phương Mỹ, huyện Hương Khê	0,01	0,01			Xã Phú Phong	Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Công ty điện lực Hà Tĩnh
2	Chống quá tải lưới điện huyện Thạch Hà, huyện Hương Khê và TP Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh	0,02	0,02			Xã Hương Thủy, xã Hòa Hải	Quyết định số 944/QĐ-EVN NPC ngày 14/4/2016 của Tổng Công ty điện lực miền Bắc.

III	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,07	0,07				
1	Mở rộng nhà văn hóa thôn 7 kết hợp tránh bão, lũ	0,07	0,07			Xã Hòa Hải	Quyết định số 39/QĐ-BCĐ ngày 03/6/2021 của Ban chỉ đạo 22 tỉnh
5	Tổng: 05 công trình, dự án	0,32	0,32				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU 2.9 DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN CAN LỘC**
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý
			LUA	RPH	RDD		
1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đất thương mại, dịch vụ	0,20	0,20				
1	Đất thương mại dịch vụ cây xăng giáp nghĩa địa Đồng Cửa Đông	0,20	0,20			TT Nghèn	Quyết định số 2866/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
I	Đất thủy lợi	0,20	0,20				
1	Mở rộng đê Tả Nghèn	0,20	0,20			TT Nghèn	Quyết định số 3591/QĐ- UBND ngày 08/12/2010 của UBND tỉnh
II	Đất công trình năng lượng	0,09	0,09				
1	Xây dựng ĐZ, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại các xã Quang Lộc, xã Gia Hanh huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,02	0,02			Xã Quang Lộc, xã Gia Hanh, xã Sơn Lộc	Quyết định số 2866/QĐ-EVNNPC ngày 23/10/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 22kV tỉnh Hà Tĩnh theo phương pháp đa chia - đa nối (MDMC)	0,01	0,01			Xã Thuần Thiện	Quyết định số 1418/QĐ-PCHT ngày 24/8/2020 của Công ty Điện lực Hà Tĩnh.

3	Nâng cấp, cải tạo đường dây 973E18.4 lên vận hành cấp điện áp 22kv và kết nối vòng với đường dây 474E18.1 tạo liên thông giữa 2 TBA 110kV Can Lộc (E18.4) và TBA 110kV Thạch Linh (E18.1)	0,05	0,05			Xã Khánh Vĩnh Yên, xã Xuân Lộc, Quang Lộc và thị trấn Đồng Lộc	Quyết định số 2866/QĐ-EVNNPC ngày 23/10/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
4	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 22kV, 35kV sau các TBA 110kV Linh Cảm (E18.2), Can Lộc (E18.7), Hương Sơn (E18.7) khu vực huyện Đức Thọ, huyện Hương Sơn, huyện Can Lộc theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	0,01	0,01			Xã Thường Nga	Quyết định số 1079/QĐ-EVNNPC ngày 11/5/2021 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
IV	Đất ở tại nông thôn	11,05	11,05				
1	Đất ở Đồng Bàu	0,30	0,30			Xã Xuân Lộc	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND huyện Can Lộc
2	Đất ở thôn Kim Sơn	0,30	0,30			Xã Gia Hạnh	
3	Đất ở Đồng Chùa Thượng Thăng	0,37	0,37			Xã Khánh Vĩnh Yên	
4	Đất ở Khe Nước Tréo	0,30	0,30			Xã Mỹ Lộc	
5	Đất ở thôn Làng Hội	0,30	0,30			Xã Phú Lộc	
6	Đất ở Cồn Ràn, Cồn soi, thôn Thượng Lợi	0,68	0,68			Xã Quang Lộc	
7	Đất ở thôn Thịnh Lộc, Khe Giao	0,60	0,60			Xã Sơn Lộc	
8	Đất ở thôn Đông Nam	0,37	0,37			Xã Thiên Lộc	
9	Đất ở Đồng Quan dòng Vời	0,50	0,50			Xã Thượng Lộc	
10	Đất ở thôn Cồn Soi, Trung Long	1,00	1,00			Xã Trung Lộc	
11	Đất ở thôn Đồng đập, thôn Minh Tiến	2,50	2,50			Xã Tùng Lộc	
12	Đất ở Đồng Đường Quan - Cửa Làng thôn Đoài Duyệt, thôn Cừ Lâm, Đồng Cồn Đồng thôn Làng Lau	1,01	1,01			Xã Vượng Lộc	
13	Đất ở Thôn Văn Thịnh, thôn Dư Nại, thôn Đồng Yên	0,57	0,57			Xã Xuân Lộc	
14	Đất ở Đồng Chợ Mương thôn Trại Tiêu	2,25	2,25			Mỹ Lộc	Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh
V	Đất ở tại đô thị	0,45	0,45				

1	Đất ở TDP Tùng Liên, Đồng Trọt, Nam Mỹ	0,27	0,27			TT Đồng Lộc	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND huyện Can Lộc
2	Bổ sung đất ở gần nhà văn hóa Kim Thành	0,18	0,18			TT Đồng Lộc	
22	Tổng: 22 công trình, dự án	11,99	11,99				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU 2.10 DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN LỘC HÀ**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý
			LUA	RPH	RDD		
1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đất nông nghiệp khác	7,40	7,40				
1	Khu nông nghiệp công nghệ cao	7,40	7,40			Xã Phù Lưu	Quy hoạch Nông thôn mới xã Phù Lưu
II	Đất cơ sở văn hóa	3,50	3,50				
1	Mở rộng quảng trường Mai Hắc Đế (diện tích QH rộng 20 ha, hiện trạng đã có 4,3 ha, mở rộng thêm 15,7 ha)	3,50	3,50			Xã Thịnh Lộc, thị trấn Lộc Hà	Văn bản số 3198/UBND-XD ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh, Văn bản số 1490/SXD-QHHT7 ngày 09/6/2021 của Sở Xây dựng
II	Đất giao thông	14,15	13,35	0,80			
1	Hạ tầng khu du lịch biển huyện Lộc Hà	3,82	3,82			Thị trấn Lộc Hà, xã Thịnh Lộc	Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh
2	Xây dựng đường nội vùng khu trung tâm hành chính huyện Lộc Hà giai đoạn 3	1,70	1,70			Thị trấn Lộc Hà	Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND huyện Lộc Hà
3	Xây dựng đường nội vùng khu trung tâm hành chính huyện Lộc Hà giai đoạn 4	1,80	1,80			Thị trấn Lộc Hà	Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND huyện Lộc Hà
4	Đường giao thông liên thôn Yên Giang - Đại Lự xã Hồng Lộc	0,70	0,70			Xã Hồng Lộc	Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Lộc Hà
5	Đường GTNT xã Phù Lưu, đoạn từ thôn Thanh Ngọc đi Hồng Lộc	1,00	1,00			Xã Hồng Lộc, Phù Lưu	Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Lộc Hà

6	Đường nối Quốc lộ 281 tại Bùng Bình Thạch Mỹ đến đường huyện lộ 5	1,32	1,32			Thạch Mỹ, Thị trấn Lộc Hà	Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Lộc Hà.
7	Xây dựng đường giao thông thôn Bắc Kinh, xã Ích Hậu	0,11	0,11			Xã Ích Hậu	Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Lộc Hà
8	Đường giao thông xã Thạch Mỹ (huyện lộ 2), huyện Lộc Hà	1,00	1,00			Xã Thạch Mỹ	Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Lộc Hà
9	Đường liên huyện Can Lộc - Lộc Hà	2,70	1,90	0,80		Xã Tân Lộc, Bình An, Thịnh Lộc	Văn bản số 144/BC-DDCN ngày 17/6/2021 của Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh
IV	Đất thủy lợi	11,00	9,00	2,00			
1	Xử lý cấp bách đê Tà Nghèn huyện Lộc Hà: Có 2 đoạn: Đoạn 1: (tại thị trấn Lộc Hà dài 2 km). Đoạn 2: (từ cầu Trù đến Cống Đập Bùn, dài 8km)	7,00	5,00	2,00		Thị trấn Lộc Hà, xã Ích Hậu	Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 24/3/2020 của HĐND tỉnh
2	Mương tiêu thoát nước 27/7 thôn Báo Ân, Đại Yên, Hà Ân, Hữu Ninh xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	2,00	2,00			Xã Thạch Mỹ	Quyết định số 5316/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện Lộc Hà
3	Kênh tiêu Đông liên xã Thịnh Lộc - Bình An, huyện Lộc Hà	2,00	2,00			Xã Thịnh Lộc, xã Bình An	Quyết định số 5311/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện Lộc Hà
V	Đất ở nông thôn	0,91	0,91				
1	Xen dăm đất ở các vùng Đồng Bệ, Trỗ Bang, Xúc Xiu, Đồi Hâu, Đồng Bốt, Giang Mai	0,14	0,14			Xã Phú Lưu	Quyết định số 5167/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND huyện Lộc Hà
2	Đất ở vùng vườn Lùm (Cửa Bà Lương), hời anh Trong, Cồn Mụ Ròi, Chợ Cồn thôn Hữu Ninh	0,30	0,30			Xã Thạch Mỹ	Phê duyệt Quy hoạch chi tiết phân lô, tỷ lệ 1/500
3	Đất ở vùng Đồng Cạ, thôn Đông Thịnh, vùng đồng Cạ; vùng đồng Lau, thôn Yên Giang	0,30	0,30			Xã Hồng Lộc	Quyết định số 3642/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND huyện Lộc Hà
4	Đất ở vùng Mụ Á 0,15 ha, vùng đồng Trộc thôn Hồng Lạc 0,02 ha	0,17	0,17			Xã Thạch Châu	Quyết định số 5752/UBND ngày 11/10/2019 của UBND huyện Lộc Hà
VI	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,20	0,20				
1	Mở rộng nhà Văn Hóa thôn Hà Ân	0,20	0,20			Xã Thạch Mỹ	Quyết định số 5687/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Lộc Hà
19	Tổng: 19 công trình, dự án	37,16	34,36	2,80			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU 2.11 DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN THẠCH HÀ
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý
			LUA	RPH	RDD		
1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đất nông nghiệp khác	13,39	13,39				
1	Đất nông nghiệp khác	1,66	1,66			Thôn Liên Mỹ, xã Thạch Hội	Thực hiện theo hướng dẫn số: 3888/HD-STNMT ngày 12/11/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường (về việc công nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân dùng vào mục đích sản xuất nông nghiệp)
2	Đất nông nghiệp khác	2,61	2,61			Thôn Bắc Tiến, thôn Ngọc Sơn - xã Thạch Ngọc	
3	Đất nông nghiệp khác	0,32	0,32			Thôn Quyết Tiến, thôn Lộc Nội - xã Thạch Xuân	
4	Đất nông nghiệp khác	1,30	1,30			Thôn Xuân Sơn, xã Lưu Vĩnh Sơn	
5	Đất nông nghiệp khác	7,50	7,50			Thôn Bùi Xá, Thống Nhất, Hòa Bình, Long Minh, Tân Long, Trung Trinh, Hưng Giang, Tùng Lang, Trầm - xã Việt Tiến	
I	Cụm công nghiệp	3,36	3,36				

1	Xưởng sản xuất gia công cơ khí tổng hợp Hatechco tại lô CN14 - Cụm công nghiệp Phù Việt huyện Thạch Hà	1,39	1,39			Cụm công nghiệp Phù Việt, xã Việt Tiến	Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 tỉnh
2	Nhà máy chế biến gỗ rừng trồng Thạch Hà tại CCN Phù Việt, xã Việt Tiến, huyện Thạch Hà	1,97	1,97			Cụm công nghiệp Phù Việt, xã Việt Tiến	Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
III	Đất thương mại dịch vụ	5,50	5,50				
1	Dự án Showroom ô tô PGS	1,00	1,00			Thôn Đại Đồng, xã Thạch Long	Quyết định số 19/CTĐT-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh
2	Đất TMDV Cửa hàng xăng dầu Thành An	0,45	0,45			Thôn Nam Thắng, xã Thạch Thắng	Văn bản số 825/UBND-TNMT ngày 06/5/2021 của UBND huyện Thạch Hà
3	Đất thương mại dịch vụ	2,25	2,25			Thôn Hòa Bình, Trung Tiến, xã Việt Tiến	Bản đồ điều chỉnh mở rộng Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất cụm công nghiệp phù việt, ngày 29/6/2019
4	Đất thương mại dịch vụ	0,30	0,30			Thôn Đại Đồng, xã Thạch Long	Văn bản số 997/UBND-TCKH ngày 28/5/2021 của UBND huyện Thạch Hà
5	Trung tâm thương mại dịch vụ khách sạn và văn phòng Viết Hải tại xã Thạch Long	1,50	1,50			Thôn Gia Ngãi II, xã Thạch Long	Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh
IV	Đất giao thông	0,95	0,95				
1	Mở rộng đường giao thông cầu cổ tuyên đi thôn Thống Nhất	0,80	0,80			Thôn Thống Nhất, xã Thạch Đài	Quyết định số 2494/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh
2	Đường đi khu chăn nuôi tập trung Kỳ Sơn	0,15	0,15			Thôn Kỳ Sơn, xã Thạch Đài	QĐ số 1820/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng khu chăn nuôi tập trung xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà; Quyết định số 2494/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng khu chăn nuôi tập trung xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà
V	Đất năng lượng	1,55	1,55				
1	Xây dựng ĐZ, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại các xã thuộc huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,04	0,04			Xã Thạch Đài, Thạch Trị, Tượng Sơn, Thị trấn, Thạch Khê, Thạch Lạc	Quyết định số 2866/QĐ-EVNNPC ngày 23/10/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc

2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho ĐZ 373E18.1, ĐZ 374E18.1 và chống quá tải cho các TBA trên địa bàn huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên - tỉnh Hà Tĩnh	0,03	0,03			Xã Nam Hương, Thạch Điền.	Quyết định số 2438/QĐ-EVNNPC ngày 15/9/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
3	Xây dựng ĐZ, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại các xã thuộc huyện Thạch Hà, Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh năm 2020	0,03	0,03			Xã Lưu Vĩnh Sơn, Thạch Xuân, Thạch Thắng, Thạch Liên, Thạch Hải, Thạch Đài	Quyết định số 2438/QĐ-EVNNPC ngày 15/9/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
4	Nâng cấp, cải tạo đường dây 973E18.4 lên vận hành cấp điện áp 22kV và kết nối vòng với đường dây 474E18.1 tạo liên thông giữa 2 TBA 110kV Can Lộc (E18.4) và TBA 110kV Thạch Linh (E18.1)	0,01	0,01			Xã Thạch Liên, Việt Tiến	Quyết định số 2866/QĐ-EVNNPC ngày 23/10/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
5	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã, thị trấn thuộc huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh năm 2020	0,05	0,05			Xã Thạch Đài, Tượng Sơn, Thạch Liên, Thạch Long và Thị trấn Thạch Hà	Quyết định số 2609/EVN NPC ngày 29/8/2019 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
6	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 22kV sau TBA 110kV Thạch Linh (E18.1) khu vực thành phố Hà Tĩnh và huyện Thạch Hà, Lộc Hà theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	0,03	0,03			Xã Thạch Sơn	Quyết định số 1079/QĐ-EVNNPC ngày 11/5/2021 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
7	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 22kV tỉnh Hà Tĩnh theo phương pháp đa chia - đa nối (MDMC)	0,03	0,03			Xã Tân Lâm Hương, Thạch Hội, Tượng Sơn, Thạch Lạc	Quyết định số 1004/EVN NPC ngày 4/5/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc
8	Đường dây và TBA 110kV Hà Tĩnh	1,33	1,33			Xã Tân Lâm Hương	Văn bản số 366/BDALĐ-PQLCT3 ngày 29/01/2021 của Tổng công ty Điện lực Miền Bắc

VI	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	0,78	0,78			
1	Đất nghĩa trang nghĩa địa	0,78	0,78		Thôn Phú Quý, xã Thạch Liên	Quy hoạch chi tiết đất nghĩa trang xã Thạch Liên, huyện Thạch Hà, ngày 26/4/2018, tỷ lệ 1/500
VII	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,18	0,18			
1	Đất nhà văn hoá	0,18	0,18		Tổ dân phố 12, thị trấn Thạch Hà	Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND thị trấn Thạch Hà
VIII	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,38	0,38			
1	Khu vui chơi giải trí cho người già	0,38	0,38		Thôn Đan Trung, xã Thạch Long	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 16/01/2021 của Ủy ban nhân dân xã Thạch Long
IX	Đất ở nông thôn	10,04	10,04			
1	Đất ở nông thôn	0,41	0,41		Thôn Kim Sơn, xã Lưu Vĩnh Sơn	Quy hoạch chi tiết đất ở thôn Kim Sơn, xã Lưu Vĩnh Sơn (Bắc Sơn cũ), phê duyệt năm 2018
2	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,31	0,31		Thôn Đông Sơn, Đông Sơn, Lộc Nội - xã Thạch Xuân	Quy hoạch chi tiết đất ở các thôn: Đông Sơn, Đông Sơn, Lộc Nội, xã Thạch Xuân, huyện Thạch Hà, ngày 3/10/2017 và năm 2020, tỷ lệ 1/500
3	Đất ở nông thôn	1,17	1,17		Thôn Trần Phú, xã Thạch Trị	Quyết định số: 444/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 UBND huyện Thạch Hà
4	Đất ở nông thôn	0,45	0,45		Đập Hộ, thôn Văn Sơn, xã Đinh Bàn	Quy hoạch chi tiết xen dăm đất ở thôn Văn Sơn, xã Đinh Bàn, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, ngày 17 tháng 11 năm 2020
5	Đất ở nông thôn	0,54	0,54		Thôn Hòa Bình, xã Nam Điền	Quy hoạch chi tiết đất ở thôn Hoà Bình, xã Nam Điền, huyện Thạch Hà, ngày 10 tháng 12 năm 2018; tỷ lệ 1/500
6	Đất ở nông thôn	1,38	1,38		Thôn Tân Lộc, xã Nam Điền	Quy hoạch chi tiết đất ở thôn Tân Lộc, xã Nam Điền, huyện Thạch Hà, tháng 10/2020; tỷ lệ 1/500
7	Đất ở nông thôn	1,44	1,44		Thôn La Xá, Kỳ Các, Bình Tiến, Phái Nam - xã Tân Lâm Hương	Quy hoạch chi tiết đất ở vùng lõi 2, tình lộ 17, thôn La Xá, xã Tân Lâm Hương (xã Thạch Lâm cũ) ngày 23/10/2018, tỷ lệ 1/500
8	Đất ở nông thôn	0,36	0,36		Thôn Phúc Thanh, Đan Khê, Thanh Lan, Đông Giang, Tân Phúc, Tân Hương, Vĩnh Tiến - xã Thạch Khê	Quy hoạch xem dăm các thôn: Phúc Thanh, Đan Khê, Thanh Lan, Đông Giang, Tân Phúc, Tân Hương, Vĩnh Tiến - xã Thạch Khê

9	Đất ở nông thôn	1,03	1,03			Thôn Liên Phố, xã Thạch Hội	Quy hoạch chi tiết đất ở thôn Liên Phố xã Thạch Hội, huyện Thạch Hà, ngày 16/10/2020, tỷ lệ 1/500
10	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,05	0,05			Thôn Phú Quý, xã Thạch Liên	Quy hoạch chi tiết đất ở thôn Phú Quý, xã Thạch Liên, huyện Thạch Hà ngày 14/10/2016, tỷ lệ
11	Đất ở nông thôn	1,89	1,89			Thôn Cao Thắng, Yên Lạc, vùng Công Lang, thôn Trung Phú - xã Thạch Thắng	Quy hoạch chi tiết mặt bằng SD đất 1/500 thôn Cao Thắng, Yên Lạc, Trung Phú, ngày 21/10/2019, ngày 30/5/2019
12	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,29	0,29			Thôn Cao Thắng, Nam Thắng, Trung Phú - xã Thạch Thắng	Văn bản số 1037/UBND-KT&HT ngày 02/6/2021 của UBND huyện Thạch Hà
13	Đất ở nông thôn	0,72	0,72			Thôn Hà Thanh, xã Tượng Sơn	Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất khu dân cư nông thôn tại thôn Hà Thanh, xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, ngày 19/4/2021, tỷ lệ 1/500
X	Đất ở đô thị	0,20	0,20				
1	Đất ở đô thị	0,20	0,20			Tổ dân phố 2, thị trấn Thạch Hà	Quy hoạch phân lô khu dân cư thị trấn Thạch Hà tỷ lệ 1/500
XI	Đất tín ngưỡng	0,87	0,87				
1	Mở rộng mộ tổ thôn Chi Lư	0,87	0,87			Thôn Chi Lư, xã Thạch Khê	Bảng xếp hạng di tích cấp tỉnh, thành phố Nhà thờ Nguyễn Hiền, xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 27/6/2008 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
40	Tổng: 40 công trình, dự án	37,20	37,20				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU 2.12 DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN CẨM XUYỀN**
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý
			LUA	RPH	RDD		
1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức SN	0,94	0,94				
1	Trụ sở điều hành của Nhà máy nước Nam Cẩm Xuyên và trạm bơm tăng áp (tại vùng Đập Bóm, thôn Hương Sơn, xã Cẩm Sơn)	0,94	0,94			Xã Cẩm Sơn	Văn bản số 3566/UBND-NL5 ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc đề xuất dự án nhà máy nước Nam Cẩm Xuyên của Công ty CP nước sạch Thiên Cẩm
II	Đất giao thông	5,32	0,20	5,12			
1	Dự án nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn từ thôn Quý Hòa đi ra khu vực rừng phòng hộ ven biển xã Yên Hòa	0,10		0,10		Xã Yên Hòa	Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
2	Dự án đầu tư xây dựng cảng Cửa Nhượng	5,02		5,02		Xã Cẩm Lĩnh	Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND tỉnh
3	Dự án nâng cấp tuyến đường giao thông phục vụ sản xuất từ đường Hưng Hà đến thôn Nguyễn Đồi, xã Cẩm Hà	0,20	0,20			Xã Cẩm Hà	Công văn số 661/BQLDA-KHĐT ngày 18/6/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Tĩnh
II	Đất thủy lợi	0,50	0,50				
1	Dự án nâng cấp tuyến mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ kênh N6 đến xứ đồng Sấn, xã Cẩm Hà	0,15	0,15			Xã Cẩm Hà	Công văn số 661/BQLDA-KHĐT ngày 18/6/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Tĩnh

2	Dự án nâng cấp mương tưới nội đồng phục vụ sản xuất thôn Vĩnh Lộc và thôn Đông Phong, xã Cẩm Lộc	0,20	0,20			Xã Cẩm Lộc	Công văn số 661/BQLDA-KHĐT ngày 18/6/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Tĩnh
3	Dự án nâng cấp mương tưới tiêu nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các thôn 2,3,5,7, xã Cẩm Minh	0,15	0,15			Xã Cẩm Minh	Công văn số 661/BQLDA-KHĐT ngày 18/6/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Tĩnh
IV	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1,10	1,10				
1	Xây dựng mới Trường Mầm non xã Cẩm Quan tại thôn Thanh Sơn (điều chỉnh sang vị trí mới)	1,10	1,10			Xã Cẩm Quan	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
V	Đất công trình năng lượng	0,12	0,12				
1	Dự án Mạch vòng 22 kV TBA 110 kV Cẩm Xuyên (E18.9) và TBA 110 kV Thạch Linh; (E18.1)-huyện Cẩm Xuyên và thành phố Hà Tĩnh	0,07	0,07			Cẩm Quang, Cẩm Thành, Cẩm Bình, Cẩm Vịnh và thị trấn Cẩm Xuyên	Quyết định số 1079/QĐ-EVNNPC ngày 11/5/2021 của Công ty Điện lực Miền Bắc
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho ĐZ 373E18.1, ĐZ 374E18.1 và chống quá tải cho các TBA trên địa bàn huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	0,05	0,05			Xã Cẩm Mỹ	Quyết định số 2983/QĐ-PCHT ngày 28/12/2020 của Công ty Điện lực Hà Tĩnh
VI	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	1,91	1,91				
1	Nghĩa trang tổ dân phố 4, thị trấn Cẩm Xuyên	1,91	1,91			TT. Cẩm Xuyên	Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND huyện Cẩm Xuyên
VII	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,29	0,29				
1	Mở rộng nhà văn hóa TDP 16	0,09	0,09			TT. Cẩm Xuyên	Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
2	Nhà văn hóa cộng đồng kết hợp tránh lũ tại thôn Đại Tăng, xã Cẩm Thạch	0,20	0,20			Xã Cẩm Thạch	Quyết định số 39-QĐ/BCĐ ngày 03/6/2021 của Ban chỉ đạo 22 tỉnh Hà Tĩnh
IX	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	6,40	6,40				
1	Xây dựng công viên cây xanh thị trấn Cẩm Xuyên (TDP 13)	6,40	6,40			TT. Cẩm Xuyên	Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
X	Đất ở tại nông thôn	6,98	6,98				

1	Dự án hạ tầng khu dân cư đô thị và thương mại - dịch vụ Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên	6,98	6,98			Xã Cẩm Vịnh	Thông báo số 234/TB-UBND ngày 10/7/2021 của UBND tỉnh tại kết luận họp ủy ban nhân dân tỉnh ngày 05/7/2021
XI	Đất ở tại đô thị	0,50	0,50				
1	Đất ở dân cư vùng Đồng Đung, TDP Trần Phú	0,50	0,50			TT. Thiên Cẩm	Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 14/3/2012 của UBND huyện Cẩm Xuyên
16	Tổng: 16 công trình, dự án	24,06	18,94	5,12			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU 2.13 DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2021 CỦA HUYỆN KỶ ANH**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý
			LUA	RPH	RDD		
1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đất công trình năng lượng	0,08	0,08				
1	Xây dựng ĐZ, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại các xã thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,04	0,04			Xã Kỳ Văn, Kỳ Tây, Kỳ Trung, Kỳ Thư, Kỳ Thọ, Kỳ Phong, Kỳ Xuân	Quyết định số 2866/QĐ-EVNNPC ngày 23/10/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc
2	Xây dựng ĐZ, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại các xã thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	0,04	0,04			Xã Kỳ Hải, Kỳ Châu, Kỳ Giang, Kỳ Khang, Kỳ Lạc, Kỳ Phong, Kỳ Phú, Kỳ Thư, Kỳ Tiến	Quyết định số 2984/QĐ-EVNNPC ngày 28/12/2020 của Công ty Điện lực Hà Tĩnh
II	Đất thủy lợi	1,00	1,00				
1	Sửa chữa, nâng cao an toàn đập (WB8) Hồ Nước Xanh	0,50	0,50			Xã Kỳ Phong, Kỳ Tiến	Quyết định 3326/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh
2	Sửa chữa, nâng cao an toàn đập (WB8) Hồ Ba Khe	0,50	0,50			xã Kỳ Bắc	Quyết định 3326/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh
II	Đất giao thông	0,68	0,68				
1	Dự án “Phát triển tổng hợp các đô thị động lực” (phần đất lúa không thể sản xuất)	0,68	0,68			Xã Kỳ Châu	Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
V	Đất ở tại nông thôn	5,23	5,23				

1	QH dân cư vùng Hạ Phòng	1,93	1,93		Thôn Phương Giai, xã Kỳ Bắc	Quyết định số: 2442 ngày 31/10/2017 của UBND huyện Kỳ Anh
2	Quy hoạch xen dầm dân cư khu Đồng Đung thôn Thượng Hải, xã Kỳ Hải	0,70	0,70		Thôn Thượng Hải, xã Kỳ Hải	Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của UBND huyện Kỳ Anh
3	QH dân cư Cửa Làng	0,19	0,19		Thôn Tân Thọ, xã Kỳ Thọ	Quyết định số 3490 ngày 03/08/2018 của UBND huyện Kỳ Anh
4	Xen dầm toàn xã	0,11	0,11		Xã Kỳ Thọ	Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 của UBND tỉnh
5	Quy hoạch Đất ở khu vực Đập Cương	2,30	2,30		Thôn Thượng Hải, xã Kỳ Hải	Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 của UBND tỉnh
V	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,40	1,40			
1	QH Khu SXKD chế biến hải sản thôn Trung Tiến- Kỳ Khang	0,40	0,40		Thôn Trung Tiến, xã Kỳ Khang	Phục vụ phát triển sản phẩm Occop của địa phương trong XD nông thôn mới của địa phương
2	QH đất sản xuất kinh doanh vùng Đồng Lê	1,00	1,00		Thôn Tân Phong, xã Kỳ Giang	Phục vụ phát triển sản phẩm Occop của địa phương trong XD nông thôn mới của địa phương
VI	Đất thương mại, dịch vụ	0,70	0,70			
1	Đất thương mại dịch vụ thôn Sơn Tây	0,10	0,10		Thôn Sơn Tây, xã Kỳ Thọ	Quyết định số 6659/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của UBND huyện Kỳ Anh
2	XD nhà làm việc Quỹ tín dụng ND xã Kỳ Xuân	0,10	0,10		Thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân	Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của UBND tỉnh
3	Cây xăng Kỳ Đồng	0,50	0,50		xã Kỳ Đồng	Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh
VII	Đất y tế	4,10	4,10			
1	Trung tâm Y tế huyện Kỳ Anh	4,10	4,10		Thôn Tân Giang, xã Kỳ Giang	Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 05/02/016 của UBND tỉnh
16	Tổng số: 16 công trình, dự án	13,19	13,19			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

